

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



10 NĂM
ĐỔI MỚI &
PHÁT TRIỂN

Nội dung báo cáo

06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

10 Tổng quan về Công ty

30 Chiến lược phát triển

36 Báo cáo kết quả kinh doanh 2014

54 Báo cáo quản trị doanh nghiệp

68 Báo cáo phát triển bền vững

76 Báo cáo tài chính 2014

126 Kế hoạch hoạt động năm 2015

128 Thông tin khác

Hành trình 10 NĂM đổi mới & phát triển (2004 - 2014)

Vinaseed đã tạo dựng thành công chuỗi kinh doanh khép kín từ khâu nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng. Sau chặng đường 10 năm phát triển, công ty đã mang lại cho cổ đông, đối tác, và người nông dân một thành quả phát triển bền vững.

Doanh thu
sản phẩm KHCN cao, chiếm **52%**

3. Trong 5 năm (2010 - 2014) công ty đã nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao thành công được trên 30 giống mới các loại, đưa doanh thu sản phẩm khoa học kỹ thuật của công ty từ 0% lên 52%.

Hoạt động đầu tư **750 tỷ**

4. Tổng vốn đầu tư M&A và đầu tư XDCB lên đến 750 tỷ VND.

Đơn vị thành viên tăng **07 đơn vị**

5. Đơn vị thành viên tăng đáng kể từ 8 lên 15 đơn vị thành viên, bao gồm 12 đơn vị thành viên và 02 công ty con, 1 công ty liên kết.



Doanh thu tăng **11,9 lần**
Lợi nhuận tăng **28,3 lần**

1. Doanh thu tăng 11,9 lần từ 60 tỷ năm 2004 lên 719 tỷ năm 2014. Lợi nhuận sau thuế tăng 28,3 lần sau 10 năm đổi mới.

Tổng tài sản đạt **953 tỷ VNĐ**
Vốn chủ sở hữu tăng **40 lần**

2. Tổng tài sản đạt 953 tỷ VNĐ, vốn chủ sở hữu đạt 745 tỷ - tăng gấp 40 lần so với thời điểm cổ phần hóa năm 2004.

Hệ thống mạng lưới **1200**
đại lý toàn quốc

6. Vinaseed tự hào là đơn vị có khối lượng sản phẩm tiêu thụ và bộ sản phẩm đa dạng nhất Việt Nam. Công ty có hệ thống mạng lưới khách hàng ổn định, rộng khắp với hệ thống mạng lưới lên 1200 đại lý toàn quốc. Vinaseed là công ty đầu tiên xuất khẩu hạt giống mang thương hiệu Việt sang các nước như Lào, Campuchia, Nam Trung Quốc.

Thành tựu
nổi bật

- Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng do có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2004 đến năm 2008, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Bằng Khen của Thủ tướng chính phủ trao tặng cho công ty vì đã có thành tích trong công tác từ năm 2004 - 2006.
- Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT qua các năm.
- TOP 50 Vietnam Best Growth Companies - Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2009 - 2014.
- TOP 200 công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á năm 2013. TOP 50 Công ty Niêm yết Tốt nhất Việt Nam năm 2014 do Forbes xếp hạng.

“ MỖI SẢN PHẨM MANG DẤU ẤN THƯƠNG HIỆU VINASEED LÀ CẢ MỘT QUÁ TRÌNH CHẮT CHIU DƯỠNG CHẤT TỪ ĐẤT MẸ, HÀI HÒA CÙNG HƠI THỞ CỦA THIÊN NHIÊN, NÂNG NIU CÔNG SỨC CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VÀ KẾT HỢP HIỆU QUẢ CÙNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN, TẤT CẢ ĐỂ PHỤC VỤ MỤC TIÊU CAO NHẤT LÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO CUỘC SỐNG CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI.”

THÔNG DIỆP Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa quý vị!

Năm 2014 là năm đánh dấu chặng đường 10 năm đổi mới và phát triển của VINASEED. Đây là năm đầu tiên công ty thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2014 - 2016 với một năm có sự thay đổi toàn diện về quản trị, đầu tư, công nghệ và thị trường theo một mục tiêu nhất quán đó là xây dựng VINASEED trở thành công ty có quy mô, thị phần và thương hiệu hàng đầu của ngành giống cây trồng Việt Nam. Năm 2014 cũng là năm đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của VINASEED cả về chiều rộng và chiều sâu (Về quy mô vốn và kinh doanh, về thị phần, về công nghệ và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật).

Kính thưa quý vị!

Năm 2014 vẫn là năm có rất nhiều khó khăn với cộng đồng doanh nghiệp, sức mua của dân cư đặc biệt dân cư nông thôn vẫn suy giảm nghiêm trọng mặc dù nhóm hàng nông sản có sự phục hồi với tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản ước đạt 30,8 tỷ USD tăng 11,2% so với năm 2013. Tuy nhiên với sự năng động, sáng tạo và khả năng thích nghi cao với sự thay đổi, trong năm 2014 công ty đã hoàn thành toàn diện tất cả các mục tiêu đã cam kết với quý cổ đông: Doanh thu công ty đạt 719 tỷ đồng, tăng 11,9 lần so với năm 2004, lợi nhuận sau thuế đạt 124 tỷ tăng 29% so với năm 2013 và bằng 106% kế hoạch, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) 9.411 VND/CP, cổ tức bằng tiền 30%, tăng trưởng tổng tài sản năm 2014 tăng 217% so với năm 2013 và vốn chủ sở hữu tăng 231% so với năm 2013 đạt 745 tỷ tăng 40 lần so với năm 2004.

Năm 2014 công ty cũng tập trung đầu tư hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện công nghiệp hoá trong chế biến bảo quản hạt giống theo hướng tự động hoá, nâng cao năng suất và chất lượng hạt giống theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, dự án cụm công nghiệp chế biến và bảo quản giống cây trồng tại thị trấn Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với quy mô 3,5 ha công suất bảo quản và chế biến

hạt giống 10.000 tấn, và một nhà máy chế biến gạo theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm công suất 18.000 tấn/năm hoàn toàn bằng công nghệ hiện đại của Nhật Bản và Cộng hoà liên bang Đức, đây là khu công nghiệp chế biến hiện đại nhất của ngành giống Việt Nam, được đầu tư đồng bộ và hiện đại với tổng kinh phí gần 130 tỷ đồng tương đương 6 triệu USD, dự kiến tháng 6/2015 đi vào hoạt động.

Đi đôi với tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, năm 2014 cũng là năm thành công trong hoạt động M&A của công ty với tổng vốn đầu tư lên 379 tỷ đồng tạo điều kiện để công ty mở rộng quy mô kinh doanh, khai thác tiềm năng của các công ty trong hệ thống vào việc phát triển của VINASEED. Ngoài ra, hoạt động R&D của công ty trong năm cũng tạo ra sự đột phá bằng việc thương mại hoá thành công giống lúa Thiên Ưu 8, giống lúa có thể nói tốt nhất thị trường hiện nay theo xu hướng giống cho biến đổi khí hậu toàn cầu. Đi đôi với phát triển sản xuất kinh doanh và nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công ty vẫn tiếp tục thực hiện tái cấu trúc về tổ chức theo hướng chuyên nghiệp hoá, nâng cao chất lượng quản trị hệ thống và đào tạo nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

Những nỗ lực và thành quả công ty đạt được trong năm 2014 đã được tổ chức trong nước và quốc tế đánh giá cao khi VINASEED được Forbes ASIAN vinh danh là một trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, được xếp hạng trong TOP 50 Việt Nam Best Growth Companies 2009 - 2014 (Top 50 công ty tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam từ 2009 - 2014); TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2014. Đặc biệt, năm 2014 với thành tích đóng góp xuất sắc cho nền nông nghiệp Việt Nam, VINASEED vinh dự được Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng cờ thi đua "Đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2014".

Kính thưa quý vị!

Năm 2015, với nhiều tín hiệu phục hồi của kinh tế vĩ mô cùng với hàng loạt chính sách hỗ trợ đồng bộ cho nông nghiệp, nông thôn và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là chính sách nông thôn mới và công cuộc tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và gia tăng giá trị, cùng với việc mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế đặc biệt việc tham gia vào cộng đồng kinh tế ASIAN (AEC) và TPP, cuối năm 2015 đầu năm 2016 là cơ hội vô cùng lớn cho ngành giống nói chung và VINASEED nói riêng. Vì vậy thông điệp chiến lược năm 2015 là "TĂNG TỐC" - đó là nhiệm vụ mà VINASEED hướng tới với mục tiêu đầy thách thức mà tập thể người lao động VINASEED đã thống nhất và cam kết thực hiện thành công, chúng tôi sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng như VINASEED từng có. Chúng tôi tin rằng với định hướng chiến lược đúng đắn, với đội ngũ nhân lực có trình độ công nghệ và môi trường làm việc chuyên nghiệp, với khát vọng được đóng góp cho sự phát triển nông nghiệp Việt Nam các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, VINASEED sẽ tiếp tục phát triển một cách bền vững, gia tăng giá trị tích lũy cho nhà đầu tư và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ công nhân viên của VINASEED, những con người luôn nuôi dưỡng khát vọng và niềm tin xây dựng công ty trường tồn và liên tục phát triển, xin gửi lời tri ân sâu sắc tới Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong cả lúc thuận lợi cũng như khó khăn. Niềm tin và sự đồng hành của quý vị là động lực giúp công ty chinh phục những đỉnh cao mới, thực hiện đúng những cam kết với quý cổ đông, góp phần xây dựng xã hội phồn vinh và mang lại các giá trị tốt đẹp cho cộng đồng.

Hà Nội, ngày 22/4/2015



Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên



Tổng quan về công ty

- 10 *Tâm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi*
- 14 *Ngành nghề kinh doanh chính*
- 18 *Mục tiêu phát triển*
- 20 *Nhân sự chủ chốt & Sơ đồ tổ chức*
- 28 *Mạng lưới hoạt động và phân phối*

Công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương - Vinaseed là doanh nghiệp khoa học công nghệ hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh giống cây trồng và chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông lâm nghiệp. Công ty không ngừng cung cấp ra thị trường những sản phẩm giống cây trồng năng suất, chất lượng cao, chuyển giao các dịch vụ khoa học kỹ thuật đem lại sự hài lòng cho khách hàng trên mọi miền của đất nước và có những đóng góp thiết thực cho sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam và cho xã hội.

Trải qua chặng đường 10 năm phát triển và đổi mới, Vinaseed tự hào là đơn vị đầu tiên của Việt Nam thực hiện công nghiệp hóa ngành giống, một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trong quá trình hội nhập của ngành nông nghiệp.

Hệ thống quản trị chuyên nghiệp, minh bạch theo các chuẩn mực quốc tế được nhà đầu tư đánh giá cao trên thị trường tài chính, được công nhận tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2008.

Tầm nhìn

Vinaseed phấn đấu trở thành Tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Sứ mệnh

Bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm với cuộc sống, con người và xã hội, Vinaseed cam kết mang đến các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững nhằm thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân.

Giá trị cốt lõi



Năng động

Trong điều kiện hội nhập trở thành xu thế tất yếu và khoa học kỹ thuật là động lực để thúc đẩy xã hội phát triển, chúng tôi không ngừng nỗ lực tạo sự khác biệt trong sản phẩm và dịch vụ để thích nghi với sự thay đổi của xã hội và làm cơ sở nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

Sáng tạo

Nhận thức rõ sáng tạo là động lực để phát triển công ty, chúng tôi luôn khuyến khích và tạo môi trường cho nhân viên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm những ý tưởng mới, độc đáo nhằm phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng công nghệ cao, gia tăng giá trị hạt giống cây trồng theo hướng tích hợp và đổi mới công nghệ.

Chuyên nghiệp

Với khẩu hiệu "Đầu đầu bằng tính chuyên nghiệp", chúng tôi luôn nỗ lực tối ưu hóa mọi hoạt động của công ty thông qua việc tập trung vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính; Tạo ra sự hoàn chỉnh về chất lượng và hiệu quả công việc; Xây dựng hệ thống quản trị tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế, minh bạch, công khai, đồng bộ và nhất quán; Quản trị đội ngũ nhân sự với tác phong làm việc công nghiệp, khoa học và kỷ cương, không ngừng nỗ lực học hỏi, có ý thức trách nhiệm và tinh thần hợp tác.

Quá trình hình thành và phát triển

1968



Thành lập công ty giống cây trồng cấp 1 trực thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1978



Thành lập Công ty Giống cây trồng Trung ương.

1989



Thành lập Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 trên cơ sở tách Công ty Giống cây trồng Trung ương thành hai công ty: Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 và Công ty Giống cây trồng Trung ương 2 (nay là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam - SSC).

2003



Chuyển đổi công ty giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty cổ phần giống cây trồng Trung ương (thực hiện Quyết định 5029/TCCB/BNN ngày 10/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Vốn điều lệ ban đầu 13.500.000.000 đồng với 8 đơn vị thành viên.

2006



Niêm yết chính thức trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố HCM với mã chứng khoán NSC.

2011



Công ty được chính thức công nhận là Doanh nghiệp khoa học công nghệ (Doanh nghiệp khoa học công nghệ đầu tiên trong ngành giống cây trồng Việt Nam).

2014



Tăng vốn điều lệ lên 152.950.000.000 đồng, Tổng tài sản đạt 953 tỷ, vốn chủ sở hữu: 745 tỷ tăng gấp 40 lần so với thời điểm mới cổ phần hóa 2004. Các đơn vị thành viên tăng từ 8 lên 15 đơn vị thành viên trong đó có 2 công ty con, 1 công ty liên kết.

Ngành nghề kinh doanh chính

Những hoạt động kinh doanh chính đã đưa Vinaseed đạt được thành tựu về doanh thu và lợi nhuận đáng kể như sau:

Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp.

Kinh doanh bất động sản.

Chuỗi sản phẩm chủ lực :
Giống cây trồng
Nông sản hữu cơ
Vật tư và dịch vụ nông nghiệp





Thành tích nổi bật

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2014:

1. **Cờ thi đua Chính phủ** trao tặng cho công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác trao tặng năm 2014.
2. **TOP 50 Vietnam Best Growth Companies** - Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2009 - 2014.
3. **TOP 50 Công ty Niêm yết Tốt nhất Việt Nam** do Forbes Việt Nam xếp hạng ghi nhận doanh nghiệp có tăng trưởng cao và bền vững về doanh thu và lợi nhuận, lợi nhuận trên vốn và lợi nhuận trên cổ phiếu, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động và có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế đất nước cũng như giá trị xã hội lớn lao.
4. **TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2014 (FAST 500).**
5. **TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam** do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư khảo sát và bình xét. So với bảng xếp hạng năm 2013, Vinaseed đã tăng thứ hạng lên 1 bậc từ 14 lên 13 do có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững.
6. **TOP 30 doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất năm 2014 (ARA Việt Nam 2014)** do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM tổ chức xét chọn. Đây là lần đầu tiên Vinaseed gửi hồ sơ tham dự nhưng BCTN của Công ty đã được đánh giá cao ở nội dung minh bạch, khát vọng và giàu tính nhân văn với thiết kế ấn tượng, trình bày nhất quán và khoa học.

Các giải thưởng những năm trước:

1. **Huân chương Lao động hạng Ba** do Chủ tịch nước trao tặng do có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2004 đến năm 2008, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2. **Cờ thi đua Chính phủ** trao tặng cho công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2011.
3. **Bằng Khen của Thủ tướng chính phủ** trao tặng cho công ty vì đã có thành tích trong công tác từ năm 2004 - 2006.
4. **Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính.**
5. **Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2012** do Bộ trưởng Bộ NN&PTNT trao tặng.

6. **TOP 200 công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á năm 2013** do Forbes xếp hạng.
7. **Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2012, 2013 (Fast 500)** do Vietnam Report phối hợp cùng báo Vietnamnet thực hiện.
8. **Xếp hạng 14 trong TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam** giao đoạn 2010-2012 do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư phối hợp cùng công ty Chứng khoán Thiên Việt bình chọn.
9. **Giải thưởng Sao Vàng đất Việt - TOP 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam** do Trung ương Hội liên hiệp Việt Nam phối hợp với Trung ương hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức năm 2010 và năm 2013.
10. **Giải thưởng Hội nhập Kinh tế quốc tế năm 2010 - TOP 20 doanh nghiệp tiêu biểu** do Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Bộ Công thương, Ban Thi Đua khen thưởng Trung ương phối hợp trao tặng.
11. **Thương hiệu nổi tiếng ASIAN 2013** do Bộ Thông tin - Văn hóa Lào, Bộ Công thương - Lào, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Bộ Công thương Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia tổ chức trao tặng.
12. **Giải thưởng doanh nghiệp Văn hóa của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch năm 2009.**
13. **TOP 20 DN chứng khoán tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam** năm 2009 do Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hãng thông tin hàng đầu thế giới Dun & Bradstreet (D&B) Hoa Kỳ xếp hạng.
14. **Cúp vàng giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín từ năm 2007 đến 2012.**
15. **Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu vàng Chất lượng** từ năm 2007, 2008, 2009, 2010 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng. Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ I năm 2013 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
16. **Giải thưởng Thương hiệu Bạn của nhà nông năm 2005 - 2007** do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.

Và nhiều giải thưởng cao quý khác.

Mục tiêu phát triển

Đáp ứng với xu thế hội nhập toàn cầu cũng như nhu cầu tiêu dùng nội địa, Vinaseed xây dựng mục tiêu phát triển dòng sản phẩm chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu và gia tăng giá trị hạt giống theo hướng tích hợp công nghệ kết hợp khai thác chuỗi giá trị sản phẩm.

Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật thực hiện công nghiệp hóa ngành giống.

Mục tiêu đến năm 2016 (Công ty mẹ)

Mục tiêu thị trường

- Chi phối thị trường miền Bắc và Bắc Trung bộ.
- Mở rộng thị trường miền Nam, miền Trung Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Đông Nam bộ.
- Đẩy mạnh xuất khẩu hạt giống Ngô sang các nước trong khu vực, chú trọng thị trường Lào, Campuchia.
- Xuất khẩu giống rau nhiệt đới sang thị trường phía Nam Trung Quốc như Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam.

Mục tiêu kinh doanh:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế 25%/năm.
- Mục tiêu thị phần hợp nhất chiếm khoảng 18% tổng thị phần của Ngành.
- Doanh thu công ty mẹ Vinaseed đạt 1000 tỷ VNĐ.
- Cổ tức ổn định từ 30% - 50%/năm bằng tiền mặt.

Nhân sự chủ chốt

- 22 Sơ đồ tổ chức
- 24 Thành viên Hội đồng quản trị
- 26 Thành viên Ban Tổng giám đốc
- 27 Thành viên Ban kiểm soát

Sơ đồ tổ chức



Thành viên Hội đồng quản trị



Bà TRẦN KIM LIÊN
CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật
Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị
1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao
1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông công nghiệp Đồng Giao
1996 - 1997: Phó Giám đốc Xí nghiệp Nông công nghiệp Đồng Giao
1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao
1998 - 2000: Phó Giám đốc Công ty Vật tư và XNK - Tổng công ty Rau quả VN.
2000 - 2004: Phó Giám đốc Công ty Giống cây trồng Trung ương I
2004 - Nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương.



Bà LÊ THỊ LỆ HẰNG
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính.
1999 - 2007: Chuyên viên phân tích cấp cao tại Công ty Quản lý Quỹ W.P.Stewart, New York, USA.
2007 - 2010: Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư, Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
2010 - nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Chứng khoán Sài Gòn, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú, Ủy viên HĐQT Công ty CP Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh, Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An.
3/2012 - nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương



Ông MICHAEL LOUIS ROSEN
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
1983 - 1988: Giảng viên Stern School of Business, New York University - Hoa Kỳ.
1988 - 1996: Chủ tịch HĐQT, Ground Ltd. - Hoa Kỳ; Chủ tịch HĐQT, Park Square Associates - Hoa Kỳ; Chủ tịch HĐQT, Iron Straw Construction Inc. - Hoa Kỳ.
1996 - 2001: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Oscar Gruss and Son Incorporated - Hoa Kỳ
1998 - 2001: Tổng Giám đốc Continental Information Systems - Hoa Kỳ (NASDAQ:CISC)
2004 - Nay: Sáng lập viên kiêm Chủ tịch East Village Community Coalition - Hoa Kỳ
2013 - Nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (HOSE: PAN).



Ông ĐỖ BÁ VỌNG
THÀNH VIÊN HĐQT
KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học
1993 - 1994: Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
1994 - 2001: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
2001 - 2004: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn - Hà Nam
2004 - Nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.



Ông NGUYỄN KHẮC HẢI
THÀNH VIÊN HĐQT.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật, cử nhân QTKD
2001 - 2004: Chuyên viên cao cấp Ban Pháp chế, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
2007 - 2010: Thành Viên Ban Dự Án thành lập Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Giám đốc luật và Quản lý rủi ro Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.
2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH quản lý Quỹ SSI.
3/2012 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương



Ông TRẦN ĐÌNH LONG
THÀNH VIÊN HĐQT.

Học hàm, học vị: Giáo sư, Viện sỹ, Tiến sỹ khoa học.
1967 - 1968: Giảng viên Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
1968 - 1981: Giảng viên Đại học Nông nghiệp II - Hà Nội
1981 - 1983: Thực tập sinh tại Liên bang Nga
1983 - 1993: Giám đốc Trung tâm Giống cây trồng Việt Nga
1993 - 2002: Phó Viện Trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam
2002 - 2003: Giám đốc Trung tâm thực nghiệm Đậu Đậu - Viện KHKTNN Việt Nam
2003 - Nay: Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam; Phó chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam, Thành Viên Ban chỉ đạo Quốc gia Quỹ Môi trường toàn cầu/GEF-UNDP Việt Nam, Ủy viên Hội đồng KH-CN viện Cây lương thực cây thực phẩm, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Miền núi phía Bắc, Viện nghiên cứu rau quả TW, Trung tâm tài nguyên thực vật. Ủy viên Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam
2004 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.



Bà NGUYỄN THỊ TRÀ MY
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
1993 - 1995: Trợ lý TGD tại Công ty International Business Advisor
1995 - 2012: Giám đốc tài chính kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Biomin Việt Nam
2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần CSC Việt Nam
2012 - nay: Cố vấn cao cấp Công ty Biomin Việt Nam
3/2013 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Thành viên ban Tổng Giám đốc



ÔNG PHẠM NGỌC LÝ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính kế toán
1981 - 1985: Cán bộ Vụ Tài chính Kế toán - Bộ Nông nghiệp và PTNT
1985 - 1992: Kế Toán trưởng xí nghiệp cung ứng vật tư và vận tải
1992 - 2003: Cán bộ công ty Giống cây trồng trung ương I
2003 - 2/2010: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương
2004 - 4/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương
2010 - nay: Phó Tổng giám đốc công ty CP Giống cây trồng trung ương

Bà TRẦN KIM LIÊN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật
Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị
1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao
1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông công nghiệp Đồng Giao
1996 - 1997: Phó Giám đốc Xí nghiệp Nông công nghiệp Đồng Giao
1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao
1998 - 2000: Phó Giám đốc Công ty Vật tư và XNK - Tổng công ty Rau quả VN.
2000 - 2004: Phó Giám đốc Công ty Giống cây trồng Trung ương I
2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương.

Ông NGUYỄN HẢI THỌ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
1984 - 1996: Cán bộ chỉ đạo Trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội
1996 - 2003: Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội
2004 - 2007: Phó phòng TTKD Công ty CP Giống cây trồng TW
2007 - 2010: Trưởng phòng Phát triển sản phẩm mới Công ty CP Giống cây trồng TW
2010 - 2011: Giám đốc Xí nghiệp Ba Vì
2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng TW kiêm Giám đốc Xí nghiệp Ba Vì

Ông ĐỖ BÁ VỌNG PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học
1993 - 1994: Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
1994 - 2001: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
2001 - 2004: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn - Hà Nam
2004 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

Thành viên ban Kiểm soát



Ông CAO DUY HÀ TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

(Đã có đơn từ nhiệm từ ngày 04/04/2015)
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
2007 - 2008: Trợ giảng tại Đại học New South Wales - Australia.
2008 - 4/2014: Chuyên viên Ban Đầu tư IV - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - SCIC.
2009 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát công ty CP Giống cây trồng Trung ương, thành viên BKS CTCP viễn thông FPT; Thành viên HĐQT công ty CP tạp phẩm và bảo hộ lao động, CTCP in và khoa học kỹ thuật;
4/2014 - nay: Phó phòng Kế hoạch và Chiến lược - Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC.

Ông ĐỖ TIẾN SỸ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
5/2000 - 7/2000: Phó Giám đốc Trại Giống cây trồng TW Ba Vì
8/2000 - 3/2001: Phó phòng TT Kinh doanh Công ty Giống cây trồng Trung ương I
2001 - 2004: Trưởng phòng TT Kinh doanh Công ty Giống cây trồng Trung ương I
2004 - 2010: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Công ty CP Giống cây trồng TW
2010 - 2012: Ủy viên HĐQT, Chủ tịch BCH Công đoàn, Giám đốc kinh doanh Công ty CP Giống cây trồng TW.
2012 - nay: Thành viên BKS, Chủ tịch BCH Công đoàn, Giám đốc kinh doanh Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

Ông NGUYỄN KHÁNH QUỲNH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD.
2001 - 2002: Nhân viên kinh doanh XNK Công ty Cổ phần Tập đoàn Sun-house.
2002 - 2004: Phụ trách mua hàng nông sản xuất khẩu khu vực Miền Trung - Công ty TNHH OLAM Việt Nam.
2004 - 2006: Chuyên viên tài trợ thương mại XNK - Ngân Hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội.
2008 - 2010: Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
2010 - nay: Phó Giám đốc đầu tư - Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSI-AM)

Đơn vị thành viên

2. XÍ NGHIỆP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG BA VÌ

Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội
Điện thoại: 034.3863091 - Fax: 034.3864185

3. XÍ NGHIỆP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG ĐỒNG VĂN

Địa chỉ: Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0351.3835463 - Fax: 0351.3835061

4. CHI NHÁNH CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW THANH HÓA

Địa chỉ: Xã Định Tường, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại/Fax: 037.3869251

5. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW THÁI BÌNH

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
Điện thoại: 036.3851256 - Fax: 036.3550684

6. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW VINH - NGHỆ AN

Địa chỉ: Phường Đội Cung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 038.3531822 - Fax: 038.3844937

7. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: Xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại/Fax: 04.66736717

8. TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội
Điện thoại/Fax: 04.66736717

9. NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GIỐNG CÂY TW ƯƠNG THƯỜNG TÍN

Địa chỉ: Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Hà Nội
Điện thoại: - Fax: 034.3853239

10. TRẠI THỰC NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG TW KHOÁI CHÂU

Địa chỉ: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại/Fax: 0321.3910348

11. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TÂY NINH

Địa chỉ: Số 3677, tổ 1, ấp 4, Bầu Đồn, Gò Dầu, Tây Ninh

12. VĂN PHÒNG TẠI TỈNH UDOMXAY - NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Địa chỉ: Tỉnh Udomxay
Điện thoại/Fax: 0085. 6812 12554

CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

13. CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY

Địa chỉ: Phường Phủ Lãm, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 043.3535401 Fax: 043.3530355
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

14. CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG NÔNG LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM

Địa chỉ: Km 943, QL1A, Điện Thắng Bắc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0510.3869455
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông lâm nghiệp.

15. CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM (SSC)

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 083.8442414 Fax: 083.8442387

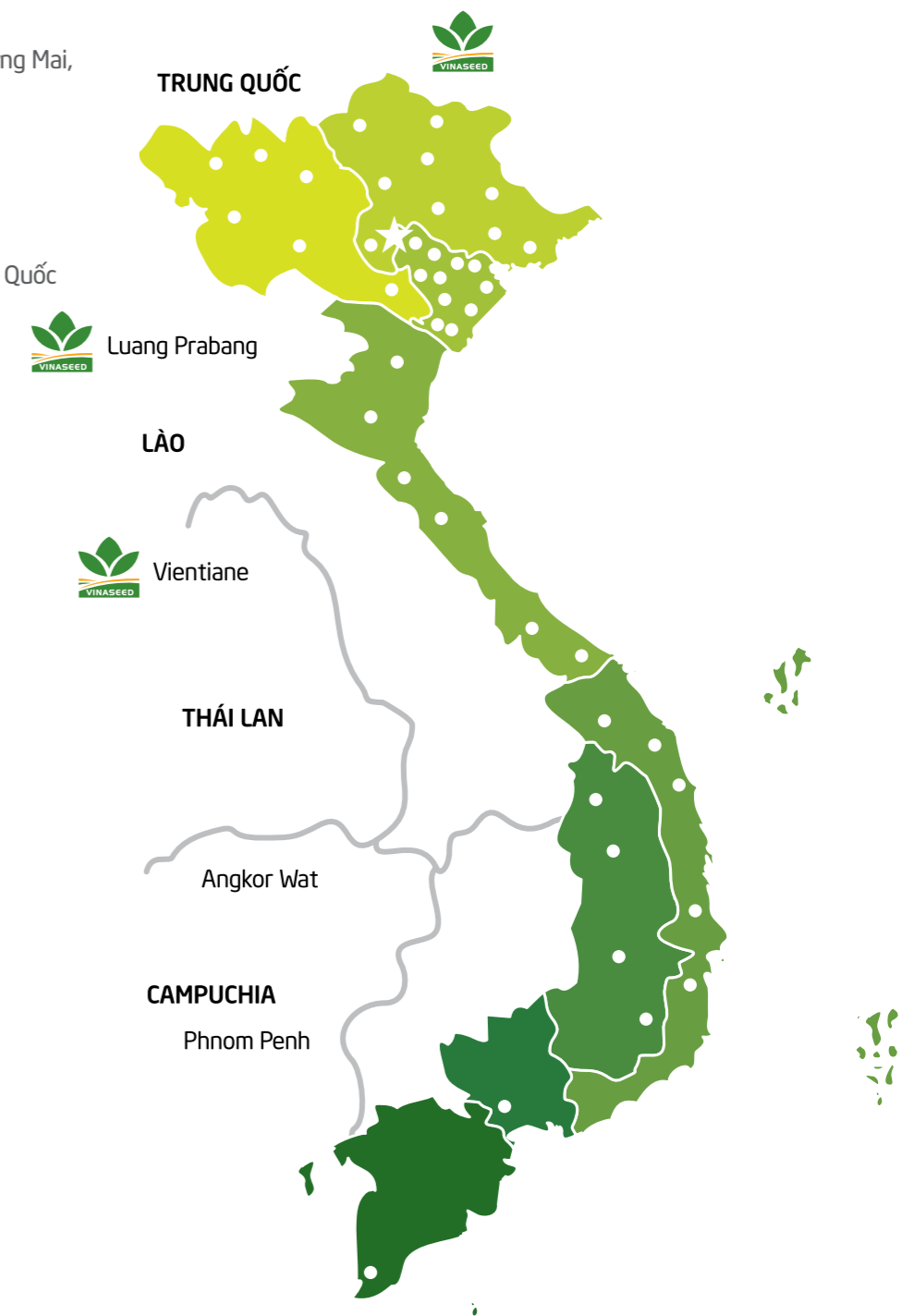
Mạng lưới hoạt động

1. TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3852 3294
Fax: (04) 3852 7996

Địa bàn hoạt động:

- Các tỉnh thành trong cả nước
- Thị trường Lào, Campuchia, Trung Quốc



- BẮC TRUNG BỘ
- TÂY BẮC BỘ
- ĐÔNG BẮC BỘ
- ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG
- NAM TRUNG BỘ
- TÂY NGUYÊN
- ĐÔNG NAM BỘ
- ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



Chiến lược phát triển

- 32 Chiến lược kinh doanh và mục tiêu phát triển bền vững
- 33 Phân tích SWOT
- 35 Các hoạt động mang tính chiến lược



Chiến lược kinh doanh và Mục tiêu phát triển bền vững

Với mục tiêu phấn đấu trở thành công ty dẫn đầu về uy tín, chất lượng và sản phẩm trong thị trường giống cây trồng Việt Nam, Vinaseed tập trung mọi nguồn lực với các định hướng chiến lược tập trung trong giai đoạn 2014 -2016:

1. Tập trung nguồn lực phát triển ngành nghề chính công ty có thế mạnh trên thị trường là sản xuất kinh doanh giống cây trồng nông lâm nghiệp, phát triển các giống có năng suất, chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, bảo vệ môi trường, đảm bảo yếu tố bền vững và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân. Khai thác kết hợp kinh doanh giống cây trồng với kinh doanh nông sản tạo thành chuỗi giá trị (chuỗi giá trị lúa gạo) để khai thác thị trường nội địa và xuất khẩu, phát triển lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp.

2. Thực hiện công nghiệp hóa ngành giống nhằm nâng cao giá trị hạt giống cây trồng theo các tiêu chuẩn quốc tế.

3. Tập trung nguồn lực vào phát triển ngành nghề chính mà công ty đang có thế mạnh trên thị trường là sản xuất kinh doanh giống cây trồng nông, lâm nghiệp, trong đó tập trung vào phát triển các loại giống cây trồng chính như: Giống lúa, giống ngô, giống rau nhiệt đới, giống đậu và cây giống lâm nghiệp; Phát triển các giống cây trồng có năng suất và chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Từ định hướng chính sách vĩ mô của Nhà nước tái cấu trúc ngành trồng trọt Việt Nam theo hướng chuyển một phần diện tích trồng lúa sang sản xuất các mặt hàng khác thay thế nhập khẩu, Vinaseed cũng đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và phát triển sản phẩm theo hướng tập trung vào nghiên cứu các giống cây trồng (ngô và đậu tương) phục vụ cho sản xuất nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. Cụ thể là phát triển các giống ngô ngắn ngày để sản xuất vụ Đông tăng vụ cho khu vực đồng bằng sông Hồng, vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên; và cung cấp những giống ngô dài ngày với năng suất, chất lượng cao hơn để thay thế cho giống nhập khẩu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.



Phân tích SWOT

Triển vọng phát triển ngành trồng trọt và cơ hội cho Vinaseed

Giống cây trồng là lĩnh vực sản xuất và cung cấp tư liệu sản xuất chủ yếu có vai trò quyết định trong việc tái cấu trúc ngành trồng trọt theo hướng gia tăng giá trị tích lũy trên một đơn vị sản phẩm. Vì vậy, dự báo với quy mô thị trường ngày càng được mở rộng, cơ hội cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp giống cây trồng cũng ngày một lớn hơn. Là một công ty giống cây trồng hàng đầu Việt Nam, VINASEED có những lợi thế vượt trội trong ngành, có thể kể đến như:

- Công ty có quy mô thị trường bao phủ rộng khắp cả nước, cơ cấu sản phẩm đa dạng với nhiều sản phẩm có uy tín trên thị trường.
- Có hệ thống mạng lưới các đơn vị trực thuộc, vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ổn định tại các vùng sinh thái khác nhau.

Những thách thức của ngành

- Năng lực nghiên cứu, ứng dụng và nguồn vật liệu tạo giống tiên tiến, khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế của ngành nông nghiệp còn hạn chế.
- Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là cơ sở nghiên cứu còn lạc hậu, nguồn lực tài chính còn hạn chế

khí 90% các công ty giống của Việt Nam có quy mô vốn chỉ dưới 10 tỷ VNĐ.

- Năng lực cạnh tranh trong phân khúc cao cấp như nghiên cứu sản xuất hạt lai F1, sản phẩm GMO...và kinh nghiệm phát triển sản phẩm rất hạn chế, trong khi phải chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ đến từ các tập đoàn đa quốc gia như Monsanto, CP, Syngenta...

- Kinh nghiệm quản trị ngành (bao gồm quản trị chiến lược, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi...) còn chưa hoàn thiện, thiếu sự liên kết trong chuỗi giá trị ngành và chất lượng hạt giống vẫn chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là trong công tác chế biến và bảo quản cũng như tích hợp công nghệ để gia tăng giá trị hạt giống cây trồng.



Nhận định cơ hội của Vinaseed

Xu hướng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đặc biệt các tổ chức như hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TTP) tạo nên cơ hội tiếp cận, trao đổi tự do thương mại thị trường nông sản và các tiến bộ khoa học công nghệ giữa các nước.

Vinaseed là doanh nghiệp khoa học công nghệ được tham gia trực tiếp vào các chương trình của bộ Nông nghiệp và PTNT, bộ KHCN. Đây là cơ hội để Vinaseed chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân.

Các chính sách vĩ mô của Chính phủ, Ngành tạo cơ hội phát triển cho ngành nông nghiệp nói chung và cho Vinaseed nói riêng. Các chính sách quan trọng có thể kể đến:

- Nghị quyết số 26 NQ/TU Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông thôn và nông dân cùng hàng loạt chính sách về khoa học công nghệ;

- Chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn như: Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, QĐ 2194/QĐ - TTG của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi

và giống thủy sản đến năm 2020, Quyết định 1244/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ;

- Nghị định 80, 96 của chính phủ về doanh nghiệp KCN và các chương trình sản phẩm trọng điểm quốc gia, Chương trình đổi mới khoa học công nghệ... với rất nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho ngành giống phát triển.

Để nắm bắt những điều kiện thuận lợi trong ngành giống cây trồng hiện nay, Vinaseed có đội ngũ nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản và có nhiều trải nghiệm, có khả năng thích ứng cao và đặc biệt tâm huyết gắn bó với công ty. Vinaseed cũng đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu của công ty đối với đối tác và khách hàng trong nước và quốc tế, đồng thời tham gia và được hỗ trợ đầu tư thông qua các chương trình nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật mới cho nông nghiệp.

Vinaseed cũng là đơn vị được bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn tham gia vào chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó các sản phẩm chủ lực của công ty sẽ được thương mại hóa. Đây là thuận lợi rất cơ bản để công ty chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã nghiên cứu đến với những yêu cầu thực tế của nông dân.

Các hoạt động mang tính chiến lược

Vinaseed đã xây dựng các hoạt động chiến lược nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh cũng như mục tiêu phát triển bền vững dài hạn.

1. Nâng cao năng lực cạnh tranh của Vinaseed tại thị trường nội địa và quốc tế thông qua hoạt động nòng cốt là tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển trên cơ sở khai thác nguồn lực của các cơ sở nghiên cứu, các đối tác trong và ngoài nước.

2. Tiếp tục mở rộng quy mô công ty cả chiều rộng lẫn chiều sâu thông qua hoạt động đầu tư M&A. Mở rộng, chiếm lĩnh thị phần nâng cao vị thế công ty, gia tăng hiệu quả đầu tư

3. Kinh doanh theo hướng gia tăng giá trị hạt giống cây trồng (tập trung phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao, giá trị thặng dư lớn) kết hợp phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm (phát triển các ngành hàng có liên quan để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh và thị trường như phát triển ngành hàng kinh doanh nông sản, giống hoa, ăn quả, phân bón vi sinh,...). Kinh doanh giống đi đôi với chuyển giao các dịch vụ

khoa học công nghệ mới, chủ yếu tập trung vào những công nghệ sản xuất thuận tiện cho việc áp dụng đại trà, chi phí thấp nhưng vẫn đảm bảo yếu tố bền vững và hiệu quả kinh tế cao cho bà con nông dân.

4. Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch theo các chuẩn mực quốc tế, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu mở rộng công ty.

Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2014

- 39 *Đánh giá thị trường năm 2014*
- 40 *Tổng quan hoạt động & Kết quả kinh doanh 2014 của công ty*
- 41 *Các chỉ tiêu tài chính nổi bật năm 2014*
- 44 *Báo cáo của Hội đồng quản trị*
- 46 *Báo cáo của Ban Tổng giám đốc*
- 52 *Giới thiệu công ty con*





Đánh giá thị trường năm 2014

Trong năm 2014, mặc dù bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thị trường nông sản gặp khó khăn đầu ra, chi phí đầu vào tăng cao. Hội đồng quản trị vẫn kiên định lãnh đạo công ty hoàn thành tốt tất cả các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đã đề ra (từ sản xuất, kinh doanh, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản), duy trì tốc độ tăng trưởng cao, xây dựng vị thế Công ty ngày càng lớn mạnh, gia tăng giá trị tích lũy, đảm bảo lợi ích và hiệu quả cao cho các nhà đầu tư.

Đánh giá phát triển ngành

Ngành trồng trọt hiện nay đang đi theo các xu hướng phát triển mới như sau:

- Xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, đồng thời tái cấu trúc theo hướng gia tăng giá trị trên mỗi đơn vị diện tích và phát triển sản

xuất theo lợi thế cạnh tranh nông sản nhiệt đới.

- Gia tăng giá trị sản xuất lúa gạo theo hướng giảm dần diện tích trồng lúa, nâng cao tỷ trọng giống lúa có chất lượng cao và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, giảm trung gian trong chuỗi giá trị lúa gạo.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích trồng ngô, rau, đậu tương để thay thế hàng nhập khẩu, đáp ứng nguyên liệu cho thức ăn gia súc.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao để thực hiện chuyên môn hóa và thúc đẩy quá trình phân công lại lao động trong nông nghiệp, gắn kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng từ khâu nghiên cứu đến cung cấp sản phẩm cuối cùng và gắn với chế biến nông sản.

- Xu hướng sáp nhập các công ty nhỏ với các công ty lớn để mở rộng quy mô, nâng cao năng lực tài chính và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

Tổng quan hoạt động & Kết quả kinh doanh năm 2014 của công ty

Năm 2014, HĐQT, BKS và Ban điều hành công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh và đầu tư trên tinh thần chủ động, sáng tạo, tận dụng cơ hội, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Kết quả kinh doanh năm 2014

Năm 2014, công ty tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHCĐ đề ra kể cả về quy mô và hiệu quả, duy trì được tốc độ phát triển cao:

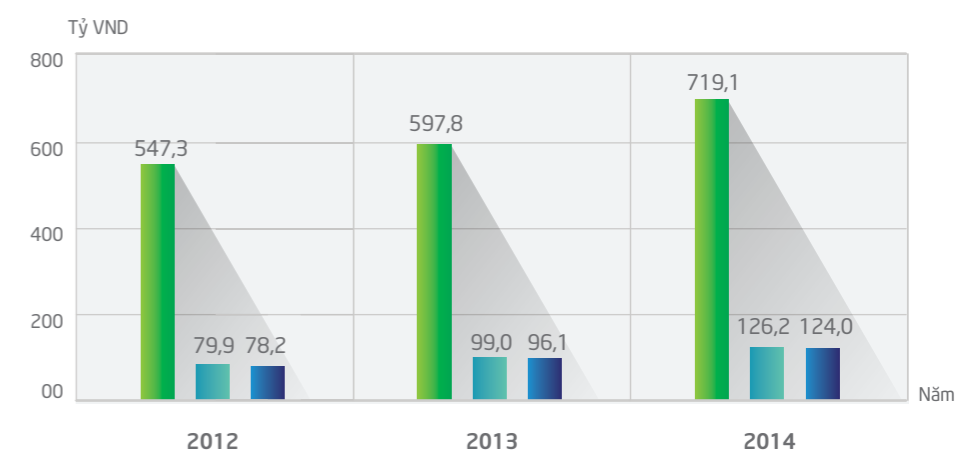
- Doanh thu thực hiện đạt 111% kế hoạch và bằng 120% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 108% kế hoạch, bằng: 129% so cùng kỳ.
- Cổ tức (dự kiến): 30%.
- Mặc dù phát hành tăng vốn điều lệ từ 100,3 tỷ lên 152,95 tỷ để phục vụ các hoạt động đầu tư từ ngày 30/06/2014 nhưng các chỉ số ROA, ROE, EPS đều giữ ở mức cao so với cùng kỳ.
- Công tác quản trị dòng tiền thực hiện tốt đảm bảo vốn phục vụ kinh doanh, quản lý công nợ không phát sinh nợ xấu.



Các chỉ tiêu tài chính nổi bật năm 2014

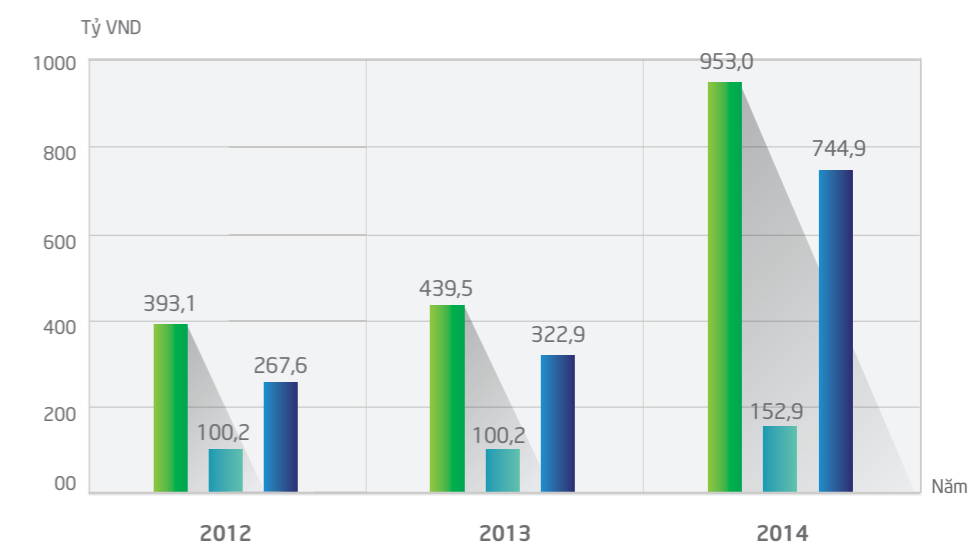
Kết quả kinh doanh

- Doanh thu thuần
- Lợi nhuận trước thuế
- Lợi nhuận sau thuế



Bảng cân đối tài sản

- Tổng tài sản
- Vốn điều lệ
- Nguồn vốn chủ sở hữu



Các chỉ tiêu khác

STT		ĐƠN VỊ	2012	2013	2014
1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	76.60%	79.00%	49.42%
2	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	23.40%	21.00%	50.58%
3	Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	30.90%	25.60%	21.23%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	%	68.10%	73.50%	78.17%



Tỷ suất lợi nhuận

STT		ĐƠN VỊ	2012	2013	2014
1	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	19.90%	21.90%	17.81%
2	Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	29.20%	29.80%	23.23%
3	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	14.30%	16.10%	17.25%
4	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)	VND	7,737	9,518	9,411

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG	Tăng trưởng sau 10 năm CPH		
	2004	2014	2014/2004 (lần)
Doanh thu	60.643	719.136	11,9
Chênh lệch giá	13.914	287.323	20,6
Lợi nhuận sau thuế	4.390	124.028	28,3
Tăng trưởng tổng tài sản	45.024	953.008	21,2
Tăng trưởng VCSH	18.410	744.946	40,5

TỶ SỐ VỀ TĂNG TRƯỞNG

STT		ĐƠN VỊ	TĂNG TRƯỞNG 2014/2013	TĂNG TRƯỞNG TRONG 5 NĂM TỪ 2010 - 2014			TĂNG TRƯỞNG SAU 10 NĂM CPH		
				2010	2014	2014/2010	2004	2014	2014/2004 (lần)
1	Doanh thu	%	120.3%	390,888,716,207	719,135,930,797	184.0%	60,643,071,799	719,135,930,797	11.9
2	Lợi nhuận gộp	%	122.0%	125,078,369,789	287,322,736,304	229.7%	13,913,786,357	287,322,736,304	20.7
3	Lợi nhuận từ HĐKD	%	122.6%	56,874,890,679	119,143,768,633	209.5%	4,333,275,792	119,143,768,633	27.5
4	Lợi nhuận sau thuế	%	129.0%	43,213,372,125	124,028,429,501	287.0%	4,389,802,947	124,028,429,501	28.3
5	Tăng trưởng EPS	%	98.9%	5376	9411	175.1%	3131.0782	9,411	3.0
6	Tăng trưởng Tổng tài sản	%	216.8%	302,986,345,111	953,007,833,160	314.5%	45,024,456,574	953,007,833,160	21.2
7	Tăng trưởng VCSH	%	230.6%	205,466,072,197	744,945,670,425	362.6%	18,409,902,947	744,945,670,425	40.5



Báo cáo Hội đồng quản trị

Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2014

Năm 2014, HĐQT và Ban điều hành công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động, sáng tạo, tận dụng cơ hội, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Với những nỗ lực đó, Vinaseed đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2014:
- Doanh thu đạt 719,1 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch và bằng 120% so cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 124,0 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch và bằng 129% so cùng kỳ.
- Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA): 17,8%. ROE: 23,2%, EPS đạt 9411 đồng/CP. Đồng thời, công ty duy trì chi trả cổ tức bằng tiền mặt ở mức 30%.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2014: 953,0 tỷ đồng, bằng 217% cùng kỳ (năm 2013: 439,5 tỷ đồng).

Đánh giá hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Khoa học công nghệ năm 2014

Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đối

tượng kinh doanh là các sản phẩm khoa học công nghệ. Do đó, công tác phát triển khoa học công nghệ là điểm chú trọng trong chiến lược phát triển và được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển công ty. Trong năm 2014, Công ty tiếp tục đạt được những thành công trong công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN:

Kết quả nghiên cứu năm 2014

- Công nhận chính thức giống lúa thuần Thiên Ưu 8, Thụy Hương 308, CNR6206. Giống Thiên Ưu 8 năng suất, chất lượng vượt trội hiện đang là giống ngắn ngày tốt nhất Bắc Trung Bộ trở ra đang dần thay thế Khang dân 18.
- Công tác chọn tạo giống: Trong năm 2014, đã xác định được 9 tổ hợp ngô tẻ, 6 tổ hợp ngô nếp lai, 5 tổ hợp lúa lai, 6 dòng lúa thuần có triển vọng.
- Chọn lọc và duy trì giống gốc mới có chất lượng như VS6, VS8, J05, DS3, QJ1,....
- Khảo nghiệm cơ bản các dòng sản phẩm mới ngô nếp đường, ngô nếp hoa.
- Chuyển giao thành công giống dưa lưới, dưa vàng chất lượng cao bằng công nghệ nhà màng.

Đánh giá hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2014

1. Hoạt động đầu tư tài chính 2014:

- Thực hiện phương án sử dụng vốn theo Nghị quyết 35/NQ-ĐHĐCĐBT Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/12/2013, công ty đã thực hiện đầu tư M&A với tổng chi phí: 379,9 tỷ trong đó sử dụng vốn phát hành: 329,2 tỷ đồng, vốn tự có của công ty: 50,7 tỷ đồng. Bao gồm:

- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC) từ 60,24% lên 85,8%.

- Đầu tư công ty CP Giống cây trồng Thái Bình (TSC): 6,24%.

- Đầu tư công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC): 40,16%

2. Hoạt động đầu tư XDCB 2014:

a) Dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty tại Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội:

Diện tích đất xây dựng: 326m²

Diện tích xây dựng: 1820m² cao 7 tầng và 1 tầng hầm.

Tổng dự toán được phê duyệt: 24.710 triệu đồng.

Giá trị hợp đồng sau khi đàm phán, đấu thầu: 20.978 triệu đồng. Giảm 3.732 triệu đồng do Công ty đàm phán giảm giá. Dự án cơ bản đã xây dựng xong hiện đang quyết toán, công ty đã chính thức chuyển về làm việc tại văn phòng mới khang trang, hiện đại từ ngày 14/02/2015.

b) Dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng TW Đồng Văn tại Thị trấn Duy Tiên, Đồng Văn, Hà Nam:

Diện tích: 3 ha

Công suất chế biến: 10.000 tấn/năm đối với hạt giống và 18.000 tấn/năm đối với gạo. Công suất bảo quản kho: 10.000 tấn.

Tổng dự toán được duyệt: 101.324 triệu đồng. Giá trị hợp đồng sau khi đàm phán, đấu thầu: 91.113 triệu đồng do công ty đàm phán giảm giá.

Dự án được đầu tư hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ từ nhà làm việc, phòng kiểm nghiệm chất lượng hạt giống đạt tiêu chuẩn quốc gia, hệ thống chế biến, bảo quản hạt giống, gạo tiêu chuẩn quốc tế với trang thiết bị hiện đại, hoàn toàn tự động được nhập khẩu từ Đức, Đan Mạch, Nhật Bản.

Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện nhà xưởng và chuẩn bị lắp đặt máy móc thiết bị. Dự kiến đầu tháng 6/2015 sẽ đi vào hoạt động góp phần đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, kinh doanh của công ty.

c) Dự án nâng cấp Trại thực nghiệm Giống cây trồng TW Khoái Châu - Địa chỉ xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Hưng Yên: xây dựng mới nhà làm việc 02 tầng khang trang, đầu tư các thiết bị phục vụ nghiên cứu phát triển của công ty, hệ thống hạ tầng đồng ruộng, sân đường nội bộ,... Tổng giá trị đầu tư: 1.503 triệu đồng. Dự án đã thực hiện xong đi vào hoạt động trở thành cơ sở nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thứ 2 của công ty.

Hạng mục đầu tư	Dự toán được phê duyệt	Giá trị hợp đồng sau khi đàm phán, đấu thầu	Tiến độ thực hiện	Còn phải thực hiện	Tăng/giảm so dự toán ban đầu
1. Dự án trụ sở văn phòng	24.710	20.978	11.090	9.888	-3.732
2. Dự án nhà máy Đồng Văn	101.324	91.113	19.147	71.966	-10.211
3. Dự án Khoái Châu	1.503	1.503	1.503	0	0
4. Hạng mục sân đường nội bộ, thoát nước kho ba vì	709	709	709	0	0
Khác	511	511	511		
Tổng cộng (trở)	128.756	114.814	32.960	81.854	-13.942

Ghi chú: Giá trị hợp đồng giảm so với dự toán ban đầu 13.9 tỷ đồng do Công ty đàm phán giảm giá.

Công ty đã sử dụng vốn huy động đúng mục đích, các hoạt động đầu tư thực hiện đúng thủ tục theo quy định của luật đấu thầu, mua sắm thiết bị chào hàng cạnh tranh, thuê tư vấn giám sát, thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng.



Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đánh giá Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Ban điều hành năm 2014 đã tuân thủ, chấp hành thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Việc định hướng đúng đắn của HĐQT, kết hợp với

công tác điều hành hiệu quả của Ban Tổng giám đốc là những yếu tố quan trọng giúp cho Vianseed hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh đã đề ra cho năm 2014:

Doanh thu thực hiện
719.136
 triệu đồng **ĐẠT**
111%
 kế hoạch và bằng
120% so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế
124.028
 triệu đồng **ĐẠT**
108%
 kế hoạch và bằng
129% so với cùng kỳ

Cổ tức bằng tiền mặt dự kiến
30%
ĐẠT 100% kế hoạch

Năm 2014, bên cạnh việc tổ chức thực hiện mục tiêu kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao, công ty còn phải đảm nhận nhiệm vụ đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản với khối lượng công việc rất lớn. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên, sát sao của HĐQT và BKS đối với Ban Điều hành và các bộ phận quản lý khác trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT, sự nỗ lực và trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

Cơ cấu doanh thu sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao tăng từ **46%**
↑ 52%

Báo cáo của Ban điều hành

Năm 2014, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHĐCĐ được tốc độ phát triển cao, cụ thể: đề ra kể cả về quy mô và hiệu quả kinh doanh, duy trì

Kết quả kinh doanh năm 2014

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2014	TH 2014	CK 2013	TH/KH	TH/CK
1	DOANH THU	TRĐ	650.000	719.136	597.814	111%	120%
	DT SP công nghệ cao	%		52%	46%		113%
2	CHÉNH LỆCH GIÁ	TRĐ		287.323	235.480		122%
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	TRĐ	15.000	124.028	96.110	108%	129%
4	ROS (LN/T)	%		17,25%	16,08%		107%

Hiệu quả hoạt động

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2014	TH 2014	CK 2013	TH/KH	TH/CK
1	EBIT	TRĐ		126.843	99.086		128%
2	ROA	%		17,81%	21,87%		81%
3	ROE	%		23,23%	29,76%		78%
4	EPS	Đ/CP		9.411	9.518		99%
5	Cổ tức bằng tiền mặt		30%	30%	30%		100%
6	CP quản lý/DT	%		9,44%	9,62%		98%
7	CP bán hàng/DT	%		14,17%	14,37%		99%

Các yếu tố chi phí giảm tương đối so với cùng kỳ dẫn đến hiệu quả kinh doanh của công ty tăng,

ROS tăng từ **16,08%**
↑ 17,25%

Tỷ số về khả năng thanh toán

Đơn vị tính: Lần

CHỈ TIÊU	TH 2014	CK 2013	2014/2013
Khả năng thanh toán hiện hành	2,33	3,09	75%
Khả năng thanh toán nhanh	1,20	1,68	71%
Khả năng thanh toán tức thời	0,50	0,48	104%

Hiệu quả quản lý tài sản

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	T 2014	CK 2013	2014/2013
Tổng tài sản	953.008	439.523	217%
Vốn chủ sở hữu	744.946	322.997	231%
Vốn hóa thị trường (31/12/2014)	1.223.600	842.506	145%
Vòng quay hàng tồn kho	1,9	2,3	83%
Vòng quay khoản phải thu	5,8	4,5	129%
Vòng quay tài sản	0,8	1,4	55%

Tỷ số tăng trưởng

Đơn vị tính: VND

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG	2014/2013
Doanh thu	120%
Lợi nhuận gộp	122%
Lợi nhuận sau thuế	129%
ROS (LN/DT)	107%
Tăng trưởng Tổng tài sản	217
Tăng trưởng VCSH	231%

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

Hoạt động sản xuất

Năm 2014, sản xuất tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ: quy mô sản xuất bằng 161%, sản lượng sản xuất bằng 135% so với cùng kỳ. Công ty đã quy hoạch được vùng sản xuất ổn định, tập trung gắn với cánh đồng mẫu lớn, tổ chức sản xuất an toàn

các tổ hợp lai, thực hiện: 4.014 tấn hạt lai, bằng 160% cùng kỳ. Công ty đã chỉ đạo tập trung nguồn lực vào cơ cấu hàng chuyển vụ, các mặt hàng có hàm lượng KHCN cao nên đã đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh. Tuy nhiên, sản lượng thuê gia công, thu gom tươi còn lớn đã ảnh hưởng không nhỏ đến năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của công ty.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SẢN XUẤT NĂM 2014				
		KH	TH	CK	TH/KH	TH/CK
Quy mô sản xuất	Ha	9.628	8.458	5.252	88%	161%
Sản lượng	Tấn	30.554	23.394	17.344	77%	135%
Hạt lai các loại	Tấn	3.202	4.014	2.472	125%	162%

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Là doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm khoa học công nghệ với nhiệm vụ chính là nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, chuyển giao công nghệ cao trong nông nghiệp, Vinaseed nhận định rằng khoa học công nghệ chính là đòn bẩy cho hoạt động kinh doanh.

(các giống lúa: Thiên Ưu 8, RVT, Trân Châu Hương, VS1, ngô nếp lai HN88, HN68, các dòng sản phẩm rau ăn quả lai,...).

Kết quả hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ năm 2014:

- Công nhận chính thức giống lúa thuần Thiên Ưu 8, Thụy Hương 308, CNR6206. Giống Thiên Ưu 8 năng suất, chất lượng vượt trội hiện đang là giống ngắn ngày tốt nhất Bắc Trung Bộ trở ra đang dần thay thế Khang dân 18.

- Cơ cấu sản lượng sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao từ 38% lên 42%.

- Cơ cấu doanh thu sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao từ 46% lên 52%.

- Công tác chọn tạo giống: Trong năm 2014, đã xác định được 9 tổ hợp ngô tẻ, 6 tổ hợp ngô nếp lai, 5 tổ hợp lúa lai, 6 dòng lúa thuần có triển vọng.

Đổi mới, sáng tạo trong công tác phát triển thị trường kinh doanh, từ phân định lại thị trường, xây dựng chiến lược thị trường, đến tổ chức triển khai thực hiện một cách bài bản, phát huy được sức mạnh toàn công ty. Khai dậy tinh thần học hỏi, những kinh nghiệm thành công được nhân rộng lan tỏa trong tập thể CBNV.

- Chọn lọc và duy trì giống gốc mới có chất lượng như VS6, VS8, J05, DS3, QJ1,...

- Khảo nghiệm cơ bản các dòng sản phẩm mới ngô nếp đường, ngô nếp hoa.

- Chuyển giao thành công giống dưa lưới, dưa vàng chất lượng cao bằng công nghệ nhà màng.

Hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014

Hoạt động đầu tư tài chính:

- Thực hiện Nghị quyết 35/NQ-ĐHC ĐBT của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/12/2013. Công ty đã thực hiện thành công chào bán cổ phiếu tăng vốn Điều lệ từ 100,3 tỷ đồng lên 152.95 tỷ đồng. Tổng thu dòng từ chào bán: 329,2 tỷ đồng và đã thực hiện lưu ký xong.

Hoạt động phát triển sản phẩm mới

Công ty đã phát triển thành công bộ sản phẩm mạnh, có sự khác biệt khẳng định về chất lượng đem lại giá trị kinh tế cao

- Thực hiện mục tiêu chiến lược 2014 - 2016, tầm nhìn 2020, mở rộng hoạt động kinh doanh thêm lĩnh vực ngành hàng mới theo chuỗi giá trị của công ty: kinh doanh nông sản. Công ty đã thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bổ sung ngành nghề kinh doanh và đã thực hiện cấp bổ sung nội dung trong giấy phê đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 11 ngày 04/11/2014).

Đầu tư M&A:

Thực hiện Phương án sử dụng vốn theo Nghị quyết 35/NQ-ĐHC ĐBT của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/12/2013. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện thành công Phương án đầu tư vào các công ty mục tiêu trong ngành:

- Thực hiện thành công nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty CP Giống Nông Lâm nghiệp Quảng Nam (QSC) từ 60,24% lên 85,8%. QSC chính thức trở thành công ty con của NSC.
- Nâng tỷ lệ sở hữu trở thành cổ đông lớn tại công ty CP Giống cây trồng Thái Bình (TSC) 6,24%.
- Nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC) lên 40,16% (5.996.940 CP - tính đến thời điểm 31/12/2014). Tính đến 15/4/2015, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại SSC: 61,4%.

Chi phí đầu tư M&A năm 2014:

ĐẦU TƯ M&A	SỐ CP SỞ HỮU BAN ĐẦU		SỐ CP MUA			SỐ CP SỞ HỮU	
	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CP	GIÁ MUA BQ/CP	CHI PHÍ ĐT	SỐ CP	TỶ LỆ
QSC	301.180	60.24%	127.680	15.000	1.915.200.000	428.860	85,80%
TSC			62.126	133.569	8.298.080.000	62.126	6,24%
SSC			5.996.940	61.652	369.721.221.103	5.996.940	40,16%
TỔNG					379.934.501.103		

(Trong đó sử dụng vốn phát hành: 329,2 tỷ đồng, vốn tự có của công ty: 50,73 tỷ đồng).

Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014

Hạng mục đầu tư	Dự toán được phê duyệt	Giá trị hợp đồng sau khi đàm phán, đấu thầu	Tiến độ thực hiện	Còn phải thực hiện	Tăng/giảm so dự toán ban đầu
1. Dự án trụ sở văn phòng	24.710	20.978	11.090	9.888	-3.732
2. Dự án nhà máy Đồng Văn	101.324	91.113	19.147	71.966	-10.211
3. Dự án Khoái Châu	1.503	1.503	1.503	0	0
4. Hạng mục sân đường nội bộ, thoát nước kho ba vì	709	709	709	0	0
Khác	511	511	511		
Tổng cộng (trđ)	128.756	114.814	32.960	81.854	-13.942

Ghi chú: Giá trị hợp đồng giảm so với dự toán ban đầu 13,9 tỷ đồng do Công ty đàm phán giảm giá.

Ngoài ra, công ty còn tổ chức triển khai 02 dự án Kho Dự trữ Quốc gia: 35 tỷ đồng hoàn toàn bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp.

Trong năm 2014, các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, mua sắm thiết bị được thực hiện đúng thủ tục theo quy định của luật đấu thầu, mua sắm thiết bị chào hàng cạnh tranh, thuê tư vấn giám sát, thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Hoạt động quản trị doanh nghiệp:

1. Tổ chức lại bộ phận sản xuất công ty. Quy hoạch lại vùng sản xuất và xây dựng cơ chế hợp tác sản xuất bền vững tại các vùng sinh thái. Kiện toàn tổ chức chi nhánh MTTN và công ty Quảng Nam.
2. Tổ chức lại công tác thị trường kinh doanh toàn công ty:
 - Phân chia lại thị trường các đơn vị trong toàn công ty.
 - Đổi mới cách làm trong xây dựng chiến lược thị trường kinh doanh: từ xây dựng kế hoạch phát triển thị trường chi tiết, hoạch định thị trường mục tiêu, giải pháp tổ chức thực hiện thống nhất toàn công ty đã đem lại hiệu quả trong 6 tháng cuối năm 2014.
 - Ban hành Cơ chế kiểm soát công việc của cán bộ kinh doanh.
3. Phát động phong trào thi đua đóng góp sáng kiến và giải pháp hữu ích trong toàn thể CBCNV, đã thu nhận được trên 200 sáng kiến, giải pháp. Trong đó 12 sáng kiến, giải pháp hữu ích được áp dụng ngay vào quản lý, SXKD. Những sáng kiến nổi bật như: Giải pháp quản lý công nợ thông minh, giải pháp áp dụng mã vạch trong quản lý hàng tồn kho, ứng dụng Email marketing sử dụng hình thức news letter, xây dựng bản đồ quản lý khách hàng bằng công cụ Google map, giải pháp tăng cường quản lý NVKD thông qua chế độ báo cáo ngày, xây dựng thư viện hình ảnh,...
4. Thông qua tập huấn nội bộ, kỹ năng làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên được nâng cao.
5. Công tác quản trị rủi ro: năm 2014, công ty không để xảy ra bất cứ rủi ro gì.
6. Quản trị hệ thống quy chế: Hoàn thiện các quy chế như Quy chế tổ chức bộ máy quản trị, quy chế hành chính, ban hành quy trình kiểm soát NVKD, quy trình xây dựng kế hoạch phát triển thị trường Kinh doanh, ... Kiểm soát chặt chẽ việc thực thi hệ thống quy chế công ty.

Giới thiệu công ty con

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây

Tên tiếng Anh: Ha Tay Seed Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500437239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/11/2010 (thay đổi lần 9)

Địa chỉ: Ba La, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (043) 3 530 655

Fax: (043) 3 535 421

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2013): 5.688.900.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây với tỷ lệ sở hữu: 53,8%.

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1996: Công ty Giống cây trồng Hà Tây thành lập theo Quyết định số 997/QĐ/UB ngày 17/12/1996 của UBND tỉnh Hà Tây (hợp nhất Công ty giống cây trồng và dâu tằm tơ).

Năm 2003: Công ty Giống cây trồng Hà Tây cổ phần hóa theo Quyết định số 272/QĐ-UB ngày 11/3/2003 của UBND tỉnh Hà Tây thành Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng, các loại nông sản và vật tư nông nghiệp (hạt rau, thiết bị máy móc nông nghiệp, vật tư, phân bón)

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại thức ăn chăn nuôi

Kinh doanh máy móc, thiết bị

Dịch vụ thương mại tổng hợp

Lữ hành nội địa

Du lịch sinh thái và các dịch vụ du lịch khác

Dịch vụ kho vận

Các đơn vị thành viên

Trại tằm và giống cây trồng Phù Lưu Tế.

Địa chỉ: Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Trại tằm và giống cây trồng Phương Bảng.

Địa chỉ: xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CP GIỐNG NÔNG LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC)

Tên tiếng Anh: QuangNam Seed Agriculture and Forestry Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 4000107543 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/9/2013.

Địa chỉ: Km 943 Quốc lộ IA- Xã Điện Thắng Bắc- Huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 0510.3869455

Fax: 0510.3869253

E-mail: giongquangnam@gmail.com

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2013): 5.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm tỷ đồng).

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là cổ đông lớn của QSC hiện đang hoàn tất thủ tục nâng tỷ lệ sở hữu từ 60.24% lên 85.8%.

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2002: Công ty Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam được thành lập theo Quyết định 479/2002/QĐ-UB ngày 21/02/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở đổi tên từ Nông trường Chiên Đàn (Thành lập vào năm 1979) và tiếp nhận Trại thực nghiệm giống Nông nghiệp Bình Trung (trực thuộc Trung tâm thực nghiệm giống nông lâm nghiệp Quảng Nam) và tiếp nhận Trại giống cây trồng TW Miền Trung (trực thuộc Công ty giống cây trồng Trung ương).

Năm 2005: công ty Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam cổ phần hóa theo Quyết định 3595/QĐ-UB ngày 26/9/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Ngành nghề kinh doanh

Nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp
Mua bán các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp
Mua bán vật tư nông nghiệp; Đại lý bán buôn bán lẻ hàng hóa Chế biến nông sản

Các đơn vị thành viên

Xí nghiệp Giống Nông lâm nghiệp Chiên Đàn, Xã Tam Đàn, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam.


Xí nghiệp Giống Nông Nghiệp Bình Trung, Xã Bình Trung, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.

Tình hình tài chính 2014

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2014	TH 2014	CK 2013	TH/KH (%)	TH/CK (%)
LƯỢNG HÀNG BÁN	Tấn	1.215	814,8	1.132	67%	72%
DOANH THU	Trđ	26.000	25.700	24.100	99%	107%
LỢI NHUẬN GỘP	Trđ	7.000	7.800	6.760	111,4%	115,4%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Trđ		2.580	1.892	103%	136%
TỔNG TÀI SẢN	Trđ		14.415	12.541		115%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	Trđ		9.995	9.107		110%
VỐN ĐIỀU LỆ	Trđ		5.689	5.689		100%

Tình hình tài chính 2014

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2014	TH 2014	CK 2013	TH/KH (%)	TH/CK (%)
LƯỢNG HÀNG BÁN	Tấn	3.083	1.762	1.320	57%	133%
DOANH THU	Trđ	39.277	29.069	27.296	74%	106%
LỢI NHUẬN GỘP	Trđ	9.707	6.599	4.491	68%	149%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Trđ	1.685	1.295	(605)	76%	
TỔNG TÀI SẢN	Trđ		16.331	14.967		109%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	Trđ		7.070	5.676		124%
VỐN ĐIỀU LỆ	Trđ		5.000	5.000		100%



Báo cáo quản trị doanh nghiệp

- 56 *Hoạt động của Hội đồng quản trị*
- 62 *Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát*
- 65 *Báo cáo Quản trị rủi ro*



Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị trong năm 2014

1.1 Số phiên họp HĐQT: 7 phiên họp

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT - TGD	7	100%	
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	7	100%	
3	Ông Phạm Ngọc Lý	Ủy viên HĐQT - Phó TGD	7	100%	
4	Ông Đỗ Bá Vọng	Ủy viên HĐQT - Phó TGD	7	100%	
5	Ông Nguyễn Khắc Hải	Ủy viên HĐQT	7	100%	
6	Ông Trần Đình Long	Ủy viên HĐQT	7	100%	
7	Bà Nguyễn Thị Trà My	Ủy viên HĐQT	6	85.7%	Đi công tác

Các phiên họp đều có sự tham dự và đóng góp ý kiến của các thành viên BKS và Ban TGD.

1.2 Số lần lấy ý kiến bằng văn bản: 7 lần.

1.3 Các Nghị quyết ban hành: 14 nghị quyết về các vấn đề chiến lược trong sản xuất, kinh doanh, đầu tư và xây dựng cơ bản thuộc thẩm quyền HĐQT. Các Nghị quyết HĐQT được công bố thông tin công khai, minh bạch đồng thời dưới nhiều hình thức: gửi báo cáo bản cứng đến Sở GD&ĐT, UBCK, cập nhật trên website công ty và trên phần mềm công bố thông tin của UBCK Nhà nước theo đúng các quy định về nội dung và thời hạn công bố thông tin của UBCK và Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Cụ thể:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	06/NQ-HĐQT-CTG	10/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2013, kế hoạch 2014 trình ĐHĐCĐ thường niên 2014. Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - Tổng dự toán công trình trụ sở công ty; phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình trụ sở công ty; phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu số 01 - Thi công xây dựng trụ sở làm việc công trình trụ sở công ty CP Giống cây trồng trung ương. Thông qua Quy hoạch tổng mặt bằng thiết kế dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng TW Đồng Văn. Thông qua lộ trình tăng vốn điều lệ thực hiện theo Nghị quyết số 35/NQ-ĐHĐCĐBT. Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên (Chương trình ESOP 2014). Giao cho Tiểu ban đầu tư xây dựng và tổ chức triển khai Phương án đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu theo Nghị quyết 35/NQ-ĐHĐCĐBT. Thông nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ TN năm 2014.
2	07/NQ-HĐQT-CTG	13/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc thay đổi tài khoản thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu ESOP của CBCNV đã nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ.
3	47/NQ-HĐQT-CTG	17/02/2014	<ul style="list-style-type: none"> Nhất trí thời gian, địa điểm và nội dung chương trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2014. Thông qua nội dung và tiến độ thực hiện chi trả cổ tức để chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức. HĐQT nhất trí thông qua phương án đầu tư theo nội dung tờ trình 50/TTr-CTG ngày 10/02/2014. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên (Chương trình ESOP 2014). Thông qua nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu theo các nội dung trong báo cáo 67/BQL-CTG.
4	51/NQ-HĐQT-CTG	01/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Phương án và thời gian ứng cổ tức bằng tiền mặt. Thông qua phương án và thời gian chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo hình thức phát hành ra công chúng.
5	57/NQ-HĐQT-CTG	10/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động Quý I, kế hoạch hoạt động Quý II và 6 tháng đầu năm 2014. Cho phép triển khai thiết kế và lập dự toán thi công phần xây lắp dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng TW Đồng Văn. Thông qua kế hoạch đấu thầu Dự án Đồng Văn. Bổ sung bà Nguyễn Thị Trà My - thành viên HĐQT độc lập tham gia Tiểu Ban đầu tư. Cho phép công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm và phê duyệt dự toán hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Trung tâm nghiên cứu năm 2014. Giao cho Tiểu ban đầu tư xây dựng phương án chi tiết sử dụng vốn phát hành theo Nghị quyết 35/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21/12/2013. Bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2014.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
6	62/NQ-HĐQT-CTG	08/5/2014	- Nhất trí việc công ty CP Xuyên Thái Bình thực hiện chào mua công khai cổ phiếu NSC.
7	70/NQ-HĐQT-CTG	21/5/2014	- Thông qua phương án đầu tư và phương án sử dụng nguồn vốn đầu tư vào các công ty mục tiêu.
8	71/NQ-HĐQT-CTG	21/5/2014	- Chỉ định việc bán cổ phiếu Quý mua lại từ cổ phiếu - ESOP 2009, 2010, 2011 trong đợt phát hành ESOP 2014 và điều chỉnh một số nội dung trong phương án ESOP đã được phê duyệt theo Nghị quyết 47/NQ-HĐQT-CTG ngày 17/02/2014.
9	77/NQ-HĐQT-CTG	05/6/2014	- Thông qua phương án phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu của cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua theo Nghị quyết 35/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21/12/2013. - Thông qua dự toán san nền Dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng Đồng Văn. - Thông qua hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu do UBCK cấp. - Thông qua báo cáo kết quả phát hành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
10	80/NQ-HĐQT-CTG	11/6/2014	- Thông qua hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu do UBCK cấp. - Thông qua báo cáo kết quả phát hành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
11	85/NQ-HĐQT-CTG	13/7/2014	- Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, đầu tư, XDCB 6 tháng đầu năm 2014. Định hướng, mục tiêu Quý III và 6 tháng cuối năm 2014. - Thông qua định hướng đầu tư M&A vào các công ty mục tiêu 6 TCN 2014. - Thông qua quy mô xây lắp, phê duyệt tổng mặt bằng thiết kế dự án xây dựng Nhà máy chế biến và bảo quản Giống cây trồng Đồng Văn. - Thông qua Phương án tiền lương đối với cán bộ cấp cao trong công ty.
12	93 /NQ-HĐQT-CTG	15/9/2014	- Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công, quy mô và Tổng dự toán dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản Giống cây trồng TW Đồng Văn. - Phê duyệt nguồn kinh phí tài trợ để triển khai dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản Giống cây trồng TW Đồng Văn. - Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu phần xây lắp dự án Đồng Văn (phần các nội dung công việc còn lại). Phê duyệt kế hoạch đấu thầu phần thiết bị đợt 1 hệ thống sấy và dây chuyền chế biến gạo. - Bổ sung ông Nguyễn Quang Trường - Giám đốc Đầu tư và Quản lý các Dự án công ty vào thành viên Ban Đầu tư HĐQT. - Thành lập và thành phần Ban quản lý dự án nhà máy chế biến và bảo quản Giống cây trồng TW Đồng Văn.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
12	93 /NQ-HĐQT-CTG	15/9/2014	- Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn ngân hàng của công ty. - Hội đồng quản trị nhất trí tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh trong giấy đăng ký kinh doanh của công ty. - HĐQT nhất trí chào mua công khai cổ phiếu công ty CP Giống cây trồng miền Nam. - HĐQT nhất trí giao cho Ban đầu tư xây dựng phương án kinh doanh gạo trình HĐQT phê duyệt.
13	100/NQ-HĐQT-CTG	13/11/2014	- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản Quý III và 9 tháng đầu năm 2014, phương hướng hoạt động quý IV và kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2014-2015. - Thông qua phương án bố trí mặt bằng công nghệ, hạng mục thiết bị, dự toán đầu tư thiết bị và kế hoạch đấu thầu phần thiết bị hệ thống chế biến hạt giống và hệ thống dây chuyền chế biến gạo Dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng Trung ương Đồng Văn.
14	102/NQ-HĐQT-CTG	04/12/2014	- Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

- Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ hàng Quý yêu cầu Tổng giám đốc báo cáo toàn bộ tình hình hoạt động của công ty từ sản xuất, kinh doanh, tài chính, xây dựng kế hoạch hoạt động.
- Các hoạt động đầu tư, dự án đều được Hội đồng quản trị trực tiếp kiểm tra, thẩm định và phê duyệt.
- Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra định kỳ 6 tháng, 9 tháng và 1 năm toàn bộ tình hình hoạt động của công ty, đưa ra các khuyến nghị đối với Ban điều hành để rút kinh nghiệm.
- Qua hoạt động kiểm tra, giám sát của HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc công ty đã thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT, đã kịp thời khắc phục theo các nội dung khuyến nghị của Ban kiểm soát, thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị theo Quy chế quản trị nội bộ công ty, tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động SXKD và Đầu tư của công ty, các báo cáo đầy đủ, chi tiết và chính xác cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin cho HĐQT.

Kết luận của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của công ty năm 2014:

- Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin.
- Các báo cáo tài chính được lập đúng tiến độ, đầy đủ, chính xác theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản thực hiện theo đúng thẩm quyền, quy định của Luật Đầu tư, luật XDCB, các công trình xây dựng đảm bảo tiến độ và chất lượng.
- Các quy chế, quy trình hoạt động của công ty được triển khai, thực hiện đầy đủ và có sự giám sát chặt chẽ của các bộ phận chức năng, các rủi ro hoạt động được giảm thiểu đến mức thấp nhất trong khả năng cho phép. Trong hoạt động quản trị rủi ro: công ty không để xảy ra bất cứ rủi ro gì, công nợ không có nợ xấu.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIỂU BAN QUẢN TRỊ VÀ NHÂN SỰ

- Tham gia tư vấn tổ chức nhân sự, đề xuất Phương án tiền lương đối với cán bộ cấp cao trong công ty, đề xuất cơ chế thưởng ESOP 2014 theo Điều 2, Nghị quyết 35/NQ-ĐHĐCĐBT Đại hội đồng cổ đông bất thường công ty ngày 21/12/2013.

- Tư vấn pháp lý trong các thủ tục phát hành tăng vốn, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, công bố thông tin.

- Hỗ trợ công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014, Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bổ sung ngành nghề kinh doanh trong Đăng ký kinh doanh của công ty.

TIỂU BAN ĐẦU TƯ

Trong năm 2014, Thực hiện Nghị quyết 35/NQ-ĐHĐCĐBT Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/12/2013, Nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2014 Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014. Tiểu ban Đầu tư đã tham gia chỉ đạo Ban điều hành triển khai các hoạt động sau:

- Thẩm định và giám sát quá trình triển khai dự án (Dự án Đồng Văn, dự án Văn phòng).
- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư M&A. Xây dựng phương án sử dụng vốn phát hành thêm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2013.

- Để tăng cường nhân sự quản lý đối với các dự án xây dựng cơ bản của công ty, HĐQT đã nhất trí sung từ ngày 10/4/2014:

- Bà Nguyễn Thị Trà My - Thành viên HĐQT độc lập vào Tiểu ban Đầu tư nâng số thành viên trong Tiểu ban lên 4 thành viên.
- Bổ sung ông Nguyễn Quang Trường - Giám đốc Đầu tư và Quản lý các Dự án tham gia vào các hoạt động của Ban Đầu tư HĐQT.

TIỂU BAN KHOA HỌC KỸ THUẬT

- Tư vấn định hướng chiến lược phát triển sản phẩm, chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nghiên cứu của Công ty. Tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phục vụ cho nghiên cứu và phát triển của công ty.

- Tư vấn đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu của công ty.

- Hội đồng quản trị thông qua việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của công ty, phê duyệt tổng dự toán hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Trung tâm nghiên cứu năm 2014.

THÙ LAO, THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

- Thù lao HĐQT được gắn với kết quả và hiệu quả kinh doanh, HĐQT phải làm tốt công tác quản lý SXKD, đảm bảo thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch lợi nhuận.

- Trong năm 2014, công ty đã chi trả thù lao năm 2014 và thưởng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2013 cho Hội đồng quản trị với tổng giá trị là 900,601,155 VNĐ. Chi tiết thù lao và thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị như dưới đây:

Đơn vị tính VNĐ

STT	HỌ VÀ TÊN	THÙ LAO NĂM 2014	THƯỞNG (HTKHLN 2013)	TỔNG
1	Trần Kim Liên	60,000,000	125,659,059	185,659,059
2	Lê Thị Lệ Hằng	60,000,000	59,439,048	119,439,048
3	Nguyễn Khắc Hải	60,000,000	59,439,048	119,439,048
4	Trần Đình Long	60,000,000	59,016,000	119,016,000
5	Nguyễn Thị Trà My	60,000,000	59,016,000	119,016,000
6	Phạm Ngọc Lý	60,000,000	59,016,000	119,016,000
7	Nguyễn Thị Trà My	60,000,000	59,016,000	119,016,000
CỘNG				900,601,155



Báo cáo hoạt động của ban Kiểm soát

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Điều lệ công ty cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của ban kiểm soát.
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 của Công ty

Ban kiểm soát xin trình trước đại hội cổ đông về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động, tình hình thực hiện quy chế của công ty trong năm 2014 như sau:

Tình hình thực hiện kế hoạch:

Đánh giá việc thực hiện kế hoạch đối với doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong năm 2014 (công ty mẹ) như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2014	TH 2014	CK 2013	TH/KH	TH/CK
1	Doanh thu	TRĐ	650.000	719.136	597.814	111%	120%
3	Lợi nhuận sau thuế	TRĐ	115.000	124.028	96.110	108%	129%
4	ROS (LN/DT)	%		17,25%	16,08%		107%

Các chỉ tiêu thực hiện đều hoàn thành vượt mức so với Kế hoạch do ĐHCĐ thường niên 2014 đề ra, và đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ. Trong đó, Lợi nhuận tăng trưởng 29%, cao hơn mức tăng doanh thu (20%). Mức vượt kế hoạch, từ 1% đến 6% với các chỉ tiêu, cho thấy việc xây dựng Kế hoạch năm đều sát với tình hình thực tế.

1. Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các khoản chi phí, khoản trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản thu khó đòi theo đúng Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy chế quản lý của công ty đã ban hành.

- Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về việc công bố thông tin, kiểm toán và thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính theo đúng quy định của luật chứng khoán và công ty niêm yết.

- Tuy nhiên, phần mềm kế toán của Công ty chưa đáp ứng được yêu cầu kế toán tài chính và kế toán quản trị theo quy mô phát triển mới của công ty.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT:

2.1 Đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ và HĐQT đề ra trong năm 2014.

2.2 Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị đã được triển khai theo tiến độ và dự toán Ngân sách do ĐHCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt. Cụ thể:

o Triển khai thực hiện Dự án Nhà máy chế biến và kho bảo quản giống Đồng Văn, tổng dự toán 101 tỷ đồng (làm tròn), đã thực hiện trong năm 2014 là 19,1 tỷ đồng.

o Triển khai thực hiện dự án xây dựng trụ sở văn phòng làm việc, tổng dự toán là 24,7 tỷ đồng, đã thực hiện trong năm 2014 là 11,09 tỷ đồng.

o Triển khai thực hiện dự án kho Dự trữ QG tại Đồng Văn và Ba vì, tổng dự toán là 35 tỷ đồng, đã thực hiện trong năm 2014 là 16 tỷ đồng.

2.3 Công tác đầu tư M&A trong ngành giống đã được triển khai theo đúng chủ trương của ĐHCĐ và HĐQT đã đề ra:

o Triển khai chào mua Công khai nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Giống Cây trồng Miền Nam lên 40.2 % Vốn điều lệ trong năm 2014.

o Đã triển khai mua đầu tư vào Cổ phần Công ty Cổ phần Giống Thái Bình, tỷ lệ sở hữu 6.2%.

o Đã hoàn tất Đầu tư vào Công ty CP Giống Nông Lâm Nghiệp Quảng Nam, nâng tỷ lệ sở hữu 85.8%

3. Tình hình thực hiện quy chế Công ty tại các đơn vị:

- Cơ bản các đơn vị, chi nhánh, và văn phòng Công ty đã thực hiện nghiêm túc và tuân thủ đầy đủ các quy chế, quy trình của Công ty ban hành về sản xuất, chế biến, bán hàng, vận chuyển và các hoạt động khác.

- Tuy nhiên, vẫn có một số chi nhánh, xí nghiệp chưa thực hiện đầy đủ việc xây dựng, cập nhật hạn mức Công nợ vào đầu vụ kinh doanh.

III- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Trong năm 2014, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch các mục tiêu chính do Đại hội cổ đông thường niên đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty. HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế công ty và Nghị quyết đại hội cổ đông đề ra.

- Kiến nghị Ban điều hành xem xét thúc đẩy nâng cấp phần mềm kế toán để hỗ trợ tốt hơn các công việc quản trị, như theo dõi tuổi nợ khách hàng, lập hồ sơ khách hàng qua nhiều năm, lập hạn mức tín công nợ khách hàng cho sát thực tế và có thể giúp cảnh báo các rủi ro công nợ.

Về vấn đề thù lao cho Ban Kiểm Soát, trong năm 2014, Công ty đã chi tổng số tiền 150,000,000 VNĐ cho toàn bộ ban kiểm soát. Mức thù lao cụ thể dành cho từng thành viên Ban Kiểm Soát như dưới đây:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	HỌ VÀ TÊN	THÙ LAO NĂM 2014	THƯỞNG (HTKHLN 2013)	TỔNG
II	Ban Kiểm soát			150.000.000
1	Cao Duy Hà	50.000.000		50.000.000
2	Nguyễn Khánh Quỳnh	50.000.000		50.000.000
3	Đỗ Tiến Sỹ	50.000.000		50.000.000



Quản trị rủi ro

TRƯỚC NHỮNG BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG VỚI NHIỀU RỦI RO TIỀM ẨN, VINASEED CHÚ TRỌNG VIỆC PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN NHỮNG NGUY CƠ RỦI RO TIỀM ẨN TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH. VINASEED LUÔN THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC, THƯỜNG XUYÊN VÀ CÓ HỆ THỐNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, QUY CHẾ CỦA CÔNG TY, ĐẢM BẢO TÍNH TUÂN THỦ, TRUNG THỰC VÀ TRÌNH ĐỘ NGHIỆP VỤ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CẢI TIẾN QUY TRÌNH LÀM VIỆC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY. VINASEED CŨNG CHỦ ĐỘNG CÓ NHỮNG BIỆN PHÁP XÁC ĐỊNH VÀ XỬ LÝ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA.

Các loại rủi ro được công ty đánh giá và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa bao gồm:

I. RỦI RO TÍN DỤNG

Đây là rủi ro có nguyên nhân chính phát sinh từ việc các đối tác của Vinaseed không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định.

Để phòng ngừa rủi ro này, công ty đã lập danh sách phân nhóm cho đối tượng khách hàng. Đối với những nhóm khác hàng có sự tin tưởng kém, Công ty áp dụng dụng chính sách ký quỹ, thanh toán 100% tiền hàng trước khi giao hàng, bổ sung nhận tài sản đảm bảo (như sổ đỏ, giấy tờ có giá trị khác,...)

Ngoài ra, rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng đến các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn. Vinaseed đã chủ động phòng ngừa đối với các hoạt động tiền gửi có kỳ hạn thông qua việc chỉ thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng có uy tín được xếp hạng tín dụng tốt như: Vietinbank, Agribank, MB.

II. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán với khách hàng.

Với Vinaseed, đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ thấp do Công ty luôn có kế hoạch quản trị nguồn vốn hiệu quả. Từ năm 2004 đến nay, Công ty chưa xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào.

III. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động gây tổn thất do sự thiếu hụt hoặc vận hành không đúng các quy trình hệ thống của Công ty cũng như tổn thất do các sự kiện khách quan bên ngoài tác động.

Với hệ thống 14 xí nghiệp, chi nhánh và công ty liên kết trải dài khắp từ Bắc vào Nam, rủi ro hoạt động luôn hiện hữu trong tất cả các hoạt động và giao dịch của Vinaseed. Các rủi ro về hoạt động chủ yếu bao gồm: Rủi ro Pháp chế và tuân thủ; Rủi

ro Quản trị nguồn nhân lực, Rủi ro Vận hành, Rủi ro Hệ thống và bảo mật thông tin.

- Rủi ro Pháp chế và tuân thủ có nguyên nhân chủ yếu là do Công ty không tuân thủ theo các quy định của pháp luật, rủi ro pháp lý, rủi ro về hợp đồng, rủi ro liên quan đến tranh chấp.
- Rủi ro quản trị nguồn nhân lực xảy ra khi doanh nghiệp thiếu hụt nguồn lao động chủ chốt, hoặc nhân sự có kỹ năng làm việc không phù hợp.
- Rủi ro vận hành xảy ra khi có sai sót trong quy trình làm việc, nhân viên thực hiện vượt quyền, sai quy chế, gian lận nội bộ, gian lận trộm cắp bên ngoài, hoặc do quản lý không hiệu quả của bên thứ ba.
- Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin xảy ra khi doanh nghiệp mất hoặc rò rỉ thông tin, sai lệch hoặc mất dữ liệu hệ thống, hoặc hệ thống quản trị thông tin không phù hợp.

Ban Kiểm soát nội bộ công ty với thành phần gồm một Phó tổng cùng bốn thành viên có nhiệm vụ định kỳ, đột xuất kiểm tra các hoạt động của toàn công ty và các đơn vị thành viên. Với mục tiêu giảm thiểu tối đa rủi ro trong hoạt động, Vinaseed đã liên tục xây dựng và cập nhật mô tả công việc nhiệm vụ, quy trình của từng vị trí làm việc trong công ty.

I. RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NSC chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế có liên quan và các quy định, nghị định pháp luật khác của Việt Nam.

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình phát triển, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện, chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy chưa từng xảy ra trong Công ty nhưng với Vinaseed, việc phòng ngừa rủi ro pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu. Công ty có Ban pháp chế hoạt động với mục đích rà soát, cập nhật liên tục toàn bộ văn bản pháp luật liên quan nhằm chủ động trong mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

II. RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm xảy ra khi NSC mất các thị trường tiêu thụ sẵn có hoặc không xâm nhập được vào thị trường mục tiêu do sự tác động của các yếu tố bên ngoài hoặc do sản phẩm, chính sách của công ty không đủ cạnh tranh.

Trên thực tế, mặc dù là đầu vào quan trọng cho ngành nông nghiệp trong nước, lĩnh vực giống cây trồng ở nước ta chỉ mới phát triển trong vòng 20 năm trở lại đây do xu hướng của người nông dân đã chuyển sang lựa chọn mua các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng và tính chống chịu tốt thay vì việc giữ giống của mùa vụ trước để tiết kiệm chi phí.

Tuy nhiên, ngành giống cây trồng của Việt Nam hiện tại có quy mô nhỏ, thị trường khá phân tán và manh mún với hơn 260 doanh nghiệp hoạt động tại các địa phương trên cả nước, trong đó chỉ 5 doanh nghiệp lớn là Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương, Tổng Công ty Giống Cây trồng Thái Bình, Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty TNHH 1 thành viên SD Giống Cây trồng An Giang trực tiếp đầu tư nghiên cứu và cung ứng giống (chi phối khoảng 30% thị phần giống cây trồng của cả nước). Các doanh nghiệp còn lại chủ yếu là các công ty thương mại, nhập khẩu giống đáp ứng cho nhu cầu ngắn hạn của từng địa phương. Điều này dẫn đến một thực tế là hiện nay giống trong nước phải cạnh tranh với giống nhập khẩu, mỗi địa phương lại có 1 bộ giống riêng, chưa có giống chủ lực của từng vùng khiến chất lượng nông sản không đồng đều, khó cạnh tranh, giá bán thấp...

Để đối phó với rủi ro này, Vinaseed liên tục khảo sát, đánh giá phân tích nhu cầu thị trường, tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ các bộ giống chất lượng ngắn ngày có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh như RVT, HN88... đã được thị trường tiếp nhận tích cực và đánh giá cao. Ngoài ra, Vinaseed liên tục đưa ra các biện pháp chiết khấu, cử cán bộ đào tạo hướng dẫn kỹ thuật miễn phí cho người dân nhằm nâng cao hiệu quả cho người nông dân.

Rủi ro về thời tiết

Thời tiết được đánh giá là rủi ro quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty cũng như đến việc gieo trồng của nông dân, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của Vinaseed.

Việc sản xuất hàng hóa tập trung chủ yếu tại Tây nguyên và

miền Trung, nơi có điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt, mưa bão hạn hán xảy ra thường xuyên đã ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng và chất lượng sản phẩm của Vinaseed.

Để đối phó với rủi ro này, chúng tôi đã chủ động mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau nhằm đảm bảo lượng hàng cung ứng cho thị trường. Đồng thời, Vinaseed cũng đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp xảy ra thiên tai. Vinaseed cũng áp dụng nghiên cứu phát triển các sản phẩm chống chịu rét, hạn hán, kháng sâu bệnh tại các vùng sinh thái khác nhau.

Rủi ro về diện tích đất nông nghiệp

Đất đai là nguồn lực quan trọng đối với quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong quá trình đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp của Việt Nam rất manh mún và phân tán do những đặc thù về điều kiện địa hình, mật độ dân số, cách phân bổ đất đai, yếu tố văn hóa và lịch sử. Trung bình một hộ dân có 5 - 7 mảnh đất khác nhau, tổng khoảng cách từ nơi ở đến ruộng của các hộ dân là khoảng 4,7km (*Báo cáo điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn 2010*).

Bên cạnh đó, diện tích đất nông nghiệp Việt Nam đang dần mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Tại hội thảo Quy hoạch sử dụng đất đai và việc xây dựng chiến lược quản lý tài nguyên đất đai dài hạn cho Việt Nam ngày 01/10/2013, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam cũng cho rằng, với tốc độ đô thị hóa như hiện nay, diện tích đất nông nghiệp sẽ ngày càng bị thu hẹp. Dự báo đến 2015, Việt Nam có tổng cộng 870 đô thị, đến 2025 có khoảng 1.000 đô thị, tương đương với nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị lần lượt là 335.000 ha và 400.000 ha. Ngoài ra, dự báo đến năm 2100, nếu nước biển dâng 75cm thì diện tích bị ngập ở đồng bằng sông Cửu Long là 18,8%, tương đương 758.000 ha.

Những yếu tố trên đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung và ngành giống cây trồng nói riêng.

Đối phó với rủi ro này, Công ty đã có những biện pháp hợp tác với các cấp chính quyền địa phương chủ động cơ cấu lại diện tích giống cây trồng, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, Công ty cũng hợp tác với các công ty lương thực xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo giúp người dân tìm đầu ra cho sản phẩm của mình.

Rủi ro về hoạt động đầu tư

Để hạn chế rủi ro về hoạt động đầu tư Vinaseed đã thành lập Ban đầu tư trực thuộc HĐQT với nhiệm vụ phụ trách tư vấn đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty. Ngoài ra, Công ty còn luôn tổ chức đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu mở rộng của Công ty.

Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo diễn ra trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng nếu có sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

Báo cáo phát triển bền vững

- 71 Tổng quan báo cáo Phát triển bền vững
- 71 Chiến lược và các phương thức quan trọng đảm bảo phát triển bền vững
- 72 Cơ cấu quản trị của công ty về phát triển bền vững
- 73 Tuyên bố cam kết của Ban lãnh đạo
- 74 Hoạt động nâng cao kết quả bền vững

MỖI SẢN PHẨM MANG DẤU ẤN CỦA THƯƠNG HIỆU VINASEED LÀ CẢ MỘT QUÁ TRÌNH CHẤT CHIU DƯỠNG CHẤT TỪ ĐẤT MẸ, HÀI HÒA CÙNG HƠI THỞ CỦA THIÊN NHIÊN, NÂNG NIU CÔNG SỨC CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VÀ KẾT HỢP HIỆU QUẢ CÙNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN, TẤT CẢ ĐỂ PHỤC VỤ MỤC TIÊU CAO NHẤT LÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO CUỘC SỐNG CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI.



“BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CHO CỘNG ĐỒNG LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU, HOẠCH ĐỊNH TẤT CẢ MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA VINASEED”

Tổng quan báo cáo Phát triển bền vững

Việt Nam là 1 trong 10 nước trên thế giới chịu tác động nhiều nhất từ biến đổi khí hậu, thiên tai liên tiếp xảy ra và người nông dân là đối tượng chịu hậu quả nặng nề nhất khi mất mùa diễn ra thường xuyên, tỷ lệ nghèo dưới chuẩn còn cao. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp giống cây trồng, chúng tôi xác định công ty muốn phát triển bền vững cần kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan để từ đó đóng góp chung cho sự phát triển của cộng đồng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng và đặt phát triển bền vững làm yếu tố trọng tâm trong chiến lược kinh doanh, Vinaseed tin rằng, định hướng đó sẽ góp phần làm tăng thêm giá trị và tạo

nên những thành công tiếp theo của Công ty.

Báo cáo phát triển bền vững của Vinaseed được thực hiện trên căn cứ trên Bộ tiêu chí của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) và hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của IFC nhằm để cập đầy đủ tác động của mô hình phát triển bền vững, đó là gắn kết tăng trưởng Kinh tế - Xã hội - Môi trường và gắn kết các bên hữu quan.

Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty, cụ thể như sau:

Chiến lược và các phương thức quan trọng đảm bảo phát triển bền vững

Phát triển bền vững được lồng ghép vào các tiêu chuẩn, qui trình, kiểm soát và quản lý của chúng tôi.

Tiêu chuẩn: Tất cả các chi nhánh, phòng ban, dự án thuộc quyền kiểm soát của Vinaseed phải áp dụng Các Nguyên tắc Hoạt động chung, Quy tắc Hành nghề và các Tiêu chuẩn Sức khỏe, An toàn, An ninh và Môi trường.

Qui trình: Vinaseed xem xét các yếu tố môi trường, xã hội trước khi đưa ra các quyết định đầu tư và khi lập kế hoạch cho

các dự án mới. Phát triển bền vững là tiêu chí đóng vai trò then chốt khi Vinaseed áp dụng để xác định các khoản khen thưởng.

Quản trị: Để đảm bảo được các hiệu quả của hoạt động phát triển bền vững thực tế đúng như kế hoạch, bên cạnh trách nhiệm quản lý và định hướng của Ban Giám đốc, Vinaseed còn có sự chung tay của tất cả từng thành viên trong tập thể Vinaseed.



Cơ cấu quản trị của công ty về Phát triển bền vững

CẤP ĐỘ	NỘI DUNG
Hội đồng quản trị	Ban hành chiến lược phát triển bền vững triển khai trong toàn Công ty.
Ban điều hành	Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng phòng/ ban chức năng và các chi nhánh, xí nghiệp thành viên.
Chi nhánh, Xí nghiệp thành viên	Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của chi nhánh, Xí nghiệp thành viên: Xây dựng mục tiêu, triển khai, giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo lên Công ty mẹ.
Phòng/Ban	Triển khai theo các hoạt động hướng đến phát triển bền vững theo kế hoạch và chỉ tiêu xây dựng từ đầu năm.

Tuyên bố cam kết của Ban lãnh đạo

Vinaseed luôn đảm bảo lợi ích của tất cả các bên liên quan, xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên tiêu chí đáp ứng lợi ích lâu dài cho các bên. Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức

kinh doanh. Việc khảo sát, lắng nghe ý kiến từ các bên liên quan giúp cho Vinaseed hiểu được mối quan tâm và kì vọng của họ phản ánh trong hoạt động kinh doanh cũng như các chiến dịch marketing và truyền thông của Công ty.

ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CAM KẾT
Khách hàng	Với quan điểm Khách hàng là trung tâm của doanh nghiệp, Vinaseed đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu để phát triển các sản phẩm tối ưu, đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng.
Cổ đông	Vinaseed cam kết thực hiện đầy đủ quyền lợi của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, cũng như tuân thủ việc thực hiện điều lệ của Công ty và các quy định liên quan. Chúng tôi ý thức được yêu cầu phải cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách đầy đủ, minh bạch, kịp thời và liên tục thực hiện nhiều giải pháp để đáp ứng công tác thông tin cho cổ đông.
Đối tác kinh doanh	Vinaseed trân trọng các Đối tác kinh doanh và mong muốn duy trì mối quan hệ hợp tác này một cách bền vững, trên cơ sở hài hòa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.
Chính phủ	Vinaseed cam kết tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật hiện hành, kinh doanh có hiệu quả và, công khai, minh bạch.
Nhân viên	Vinaseed đánh giá cao yếu tố con người và coi đây là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Doanh nghiệp. Do đó, công ty chủ trương xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp để tạo điều kiện phát triển cho tất cả nhân viên, đồng thời đảm bảo chế độ đãi ngộ cạnh tranh cho tất cả người lao động của công ty.
Cộng đồng	Vinaseed tình nguyện thực hiện các hoạt động đóng góp cho xã hội, chung sức vì sự phát triển Cộng đồng bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm của mình đối với cuộc sống của con người và xã hội.

Hoạt động nâng cao hiệu quả kinh tế bền vững

Trong suốt những năm qua, công ty luôn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cao và ổn định, bình quân 25-30%/năm, thực hiện tốt các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì đều đặn mức chi trả cổ tức bình quân 30% bằng tiền mặt, chủ động công bố và minh bạch các thông tin để đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông.

Giải thưởng TOP 50 Vietnam Best Growth Companies - Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2009 - 2014. Xếp hạng 14 trong TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam giai đoạn 2010 - 2013, 2014, Vinaseed mang lại những đóng góp cho sự phát triển bền vững của không chỉ công ty mà của xã hội, của cộng đồng nói chung:

- Cung cấp trên 1 triệu ha giống cây trồng có chất lượng tốt, có khả năng chống chịu với sâu bệnh và biến đổi khí hậu giúp nông dân nâng cao hiệu quả trồng trọt, có điều kiện cải thiện đời sống.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia công nghệ trong ngành giống và hình thành những làng nghề công nghệ cao trong nông thôn, góp phần thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp và nâng cao dân trí, tạo việc làm cho trên hai vạn hộ nông dân và giúp thực hiện công cuộc xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng quan hệ bền vững với các nhà đầu tư, tối đa hóa giá trị Công ty bằng những hoạt động kinh tế hợp lý: Công ty luôn đặt lợi ích của cổ đông là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng đều đặn 20% về doanh thu và lợi nhuận qua các năm; Duy trì đều đặn việc chi trả cổ tức 30% bằng tiền mặt; Chủ động công bố và minh bạch thông tin qua các phương tiện truyền thông.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Vinaseed nhận thức được nhiệm vụ bảo vệ môi trường là đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của doanh nghiệp. Trong mọi hoạt động của Vinaseed đều hướng đến trách nhiệm đối với môi trường. Trách nhiệm được thể hiện thông qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh, sử dụng và tiết kiệm tối đa các nhiên liệu sạch, vật liệu tái chế trong bảo quản, chế biến, đóng gói hàng hóa.

- Vinaseed nỗ lực và đã có những thành công trong định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt. Quy trình sản xuất hữu cơ bền vững sử dụng ít phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật kết hợp với các quy trình canh tác tổng hợp, tập trung, tưới tiêu kiệm nước sẽ giảm thiểu tác động tới môi trường trong sản xuất và tạo ra các dòng sản phẩm sạch an toàn với sức khỏe người tiêu dùng.

ĐÓNG GÓP XÃ HỘI

Vinaseed đã tích cực tham gia và vận động cán bộ nhân viên hưởng ứng các hoạt động từ thiện như xây nhà tình nghĩa cho bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình nghèo; Vinaseed đã hỗ trợ

tỉnh Hà Tĩnh 200 triệu đồng từ nguồn đóng góp của cán bộ công nhân viên hỗ trợ đồng bào miền Trung vượt khó khăn, phối hợp với chính quyền địa phương giúp đỡ tặng 10 triệu đồng cho các gia đình thuộc diện đặc biệt khó khăn của huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.

Vinaseed đã tổ chức quyên góp quần áo, sách vở và các vật phẩm thiết yếu cho cuộc sống với giá trị trên 100 triệu đồng giúp đỡ, khuyến khích các em học sinh tại Trường dân tộc nội trú tỉnh Lào Cai, Tổ chức chương trình áo ấm cho em với các trẻ em học sinh nghèo tỉnh Cao Bằng,...

Hỗ trợ các hộ nghèo, tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ: Vinaseed cũng đã tổ chức phối hợp với chính quyền địa phương tỉnh Quảng Nam, Tây Ninh xây 6 ngôi nhà giúp đỡ các gia đình liệt sỹ, các hộ nghèo tại tỉnh với giá trị trên 350 triệu đồng.

Tham gia cùng chính quyền địa phương thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo như chương trình phát triển nông thôn mới, chương trình xóa đói giảm nghèo cho các tỉnh miền núi phía Bắc, các hộ dân nghèo được công ty giải quyết cho cấp tín dụng sản xuất không lấy lãi và đặc biệt chương trình bảo hiểm sản xuất đối với sản xuất hạt lai đã giúp hạn chế rủi ro và nông dân nhiều tỉnh có cơ hội tiếp cận với khoa học tiên tiến.

Đóng góp tiền lương hỗ trợ đồng bào lũ lụt; Tham gia các chương trình khác cùng mặt trận Tổ Quốc các tỉnh Hà Tĩnh, Lào Cai, Quảng Nam, Tây Ninh như xây nhà tình nghĩa, tặng áo ấm,

Thông qua các hình thức liên kết sản xuất giống cho công ty, người nông dân được đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ miễn phí từ đó chủ động trong sản xuất, có việc làm ổn định và tăng thu nhập, thay đổi cách thức sản xuất tự cung tự cấp quy mô nhỏ sang tổ chức hàng hóa, quy mô lớn, xây dựng nên các làng nghề công nghệ.

VĂN HÓA VINASEED

Điều khiến chúng tôi luôn tự hào trong suốt hành trình 10 năm đổi mới và phát triển, là một nền văn hóa doanh nghiệp gắn kết để thành công. Mọi thứ chúng tôi cùng các nhà khoa học có và đang làm tại Vinaseed được vun đắp bởi niềm tin vào một tương lai tốt đẹp và niềm say mê cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất trên thị trường.

Dù kinh doanh ở bất kỳ vùng miền nào, chúng tôi cũng luôn quan tâm đến trách nhiệm với cộng đồng sinh sống, trách nhiệm xây dựng xã hội tươi đẹp và phồn thịnh.

Với quyết tâm xây dựng một công ty trường tồn hàng trăm năm tuổi, chúng tôi luôn nỗ lực hàng ngày tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo, trách nhiệm, tăng cường sự gắn kết của mỗi nhân viên đối với công ty, đối với những giá trị ý nghĩa mang lại cho cộng đồng, nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng, cho mỗi thành viên trong GIA ĐÌNH VINASEED.

Báo cáo tài chính 2014

- 78 *Thông tin về công ty*
- 79 *Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc*
- 80 *Báo cáo kiểm toán độc lập*
- 82 *Bảng cân đối kế toán hợp nhất*
- 86 *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*
- 88 *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm*
- 90 *Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất*



Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101449271 ngày 4 tháng 11 năm 2014

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101449271 ngày 4 tháng 11 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Lý	Thành viên
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2013)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Số 1, Phố Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Kim Liên

Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26-03-2015 được trình bày từ trang 5 đến 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam,

Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 3 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-120-1d



Nguyễn Tâm Anh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		470.989.107.352	347.080.557.892
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	99.023.212.818	54.122.278.528
Tiền	111		78.423.212.818	24.803.774.980
Các khoản tương đương tiền	112		20.600.000.000	29.318.503.548
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	2.386.660.700	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		3.944.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(1.557.339.300)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.638.072.405	133.931.947.388
Phải thu khách hàng	131		113.501.026.773	129.985.760.207
Trả trước cho người bán	132		13.306.510.090	3.338.851.604
Các khoản phải thu khác	135		1.601.890.593	3.266.344.352
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.771.355.051)	(2.659.008.775)
Hàng tồn kho	140	6	224.677.968.327	157.261.771.278
Hàng tồn kho	141		228.349.336.304	158.657.902.071
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.671.367.977)	(1.396.130.793)
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.263.193.102	1.764.560.698
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.828.287.862	1.109.348.198
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.400.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	18.427.505.240	655.212.500
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260 + 269)	200		482.018.725.808	92.442.804.101
Tài sản cố định	220		84.494.247.208	66.631.302.682
Tài sản cố định hữu hình	221	8	51.650.313.468	55.258.926.351

Đơn vị tính VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	31/12/2013
<i>Nguyên giá</i>	222		103.135.721.404	95.584.250.460
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(51.485.407.936)	(40.325.324.109)
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.023.770.335	5.737.453.667
<i>Nguyên giá</i>	228		10.978.387.000	9.066.787.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.954.616.665)	(3.329.333.333)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	26.820.163.405	5.634.922.664
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	379.712.637.822	5.501.123.166
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		371.414.557.822	2.567.797.166
Đầu tư dài hạn khác	258		8.298.080.000	3.944.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(1.010.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		107.276.119	1.720.417.157
Chi phí trả trước dài hạn	261		107.276.119	1.720.417.157
Lợi thế thương mại	269	12	17.704.564.659	18.589.961.096
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		953.007.833.160	439.523.361.993

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	31/12/2013
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		202.336.568.425	112.319.344.688
Nợ ngắn hạn	310		202.297.816.425	112.238.020.688
Vay ngắn hạn	311	13	25.424.000.000	-
Phải trả người bán	312		90.499.209.984	55.073.922.728
Người mua trả tiền trước	313		17.569.562.855	8.598.225.285
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.980.775.433	3.753.812.673
Phải trả người lao động	315		31.557.582.847	24.250.073.965
Chi phí phải trả	316		649.463.428	805.930.040
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	15.992.893.341	5.216.330.414
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	17.624.328.537	14.539.725.583
Nợ dài hạn	330		38.752.000	81.324.000
Phải trả dài hạn khác	333		38.752.000	32.500.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	48.824.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		744.945.670.425	322.996.555.453
Vốn cổ phần	411	18	152.950.000.000	100.298.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	331.245.527.850	54.797.592.850
Quỹ đầu tư phát triển	417	20	123.109.451.671	77.136.109.555
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	17.823.890.859	13.013.067.593
Lợi nhuận chưa phân phối	420		119.816.800.045	77.489.277.455
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	262.128.000
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.725.594.310	4.207.461.852
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		953.007.833.160	439.523.361.993

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính VND

	31/12/2014	31/12/2013
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba - VND	80.647.386.527	2.221.386.527
Nợ khó đòi đã xử lý - VND	208.213.500	208.213.500
Ngoại tệ - USD	21.901	30.018
Ngoại tệ - CNY	86.068	41.521
Ngoại tệ - LAK	1.000.000	1.000.000

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó phòng kế toán

Người duyệt

Phan Thế Tý
Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính VND

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014	2013
Tổng doanh thu	01	21	762.033.468.300	635.919.097.904
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	42.897.537.503	38.104.736.522
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	21	719.135.930.797	597.814.361.382
Giá vốn hàng bán	11		431.813.194.493	362.334.793.316
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		287.322.736.304	235.479.568.066
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.245.912.569	4.736.857.040
Chi phí tài chính	22	23	3.646.380.792	(407.635.663)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		638.436.191	6.801.044
Chi phí bán hàng	24		101.907.111.167	85.914.503.372
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		67.871.388.281	57.489.581.195
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		119.143.768.633	97.219.976.202
Thu nhập khác	31		1.659.912.274	2.138.925.791
Chi phí khác	32		692.500.357	213.429.808
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		967.411.917	1.925.495.983
Lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	45		6.093.545.936	(66.285.011)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		126.204.726.486	99.079.187.174
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.176.296.985	2.969.551.146
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		124.028.429.501	96.109.636.028
Phân bổ cho:				

Đơn vị tính VND

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014	2013
Cổ đông thiểu số	61		1.270.361.059	649.409.722
Chủ sở hữu của Công ty	62		122.758.068.442	95.460.226.306
Lãi trên cổ phiếu		25		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		9.411	9.518

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó phòng kế toán

Người duyệt

Phan Thế Tý
Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	MÃ SỐ	2014	2013
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	723.115.089.052	554.251.241.262
Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(507.967.971.866)	(423.791.896.652)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(63.055.197.064)	(53.584.151.716)
Tiền chi trả lãi vay	04	(530.069.969)	(6.801.044)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.870.569.425)	(3.642.571.538)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	39.192.110.921	26.110.846.178
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(80.298.106.580)	(63.875.714.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	108.585.285.069	35.460.951.970

Đơn vị tính VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	MÃ SỐ	2014	2013
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(32.702.404.864)	(8.012.845.150)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	140.000	1.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1.785.750.500)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	236.749.895	5.400.780.500
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(374.546.421.110)	(1.006.325.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	4.881.379.139	4.789.815.010
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)		1.907.191.517	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(400.223.365.423)	(612.506.958)

Đơn vị tính VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	MÃ SỐ	2014	2013
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	329.231.825.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(102.270.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	182.865.963.833	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(160.041.963.833)	(186.968.000)
Tiền trả cổ tức	36	(15.423.108.000)	(30.103.563.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (50 = 20 + 30 + 40)	40	336.530.447.000	(30.290.531.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	44.892.366.646	4.557.913.512
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	54.122.278.528	49.657.164.227
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	8.567.644	(92.799.211)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	99.023.212.818	54.122.278.528

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó phòng kế toán

Người duyệt

Phan Thế Tý
Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 2 năm 2004 và sửa đổi bổ sung theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101449271 thay đổi lần thứ 11 ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty tại các công ty liên kết.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; và kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

CÔNG TY CON	Phần trăm (%) Sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2014	31/12/2013
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,8%	53,8%
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (Thuyết minh 4 và 11)	84,17%	41,73%

CÔNG TY LIÊN KẾT	Phần trăm (%) Sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2014	31/12/2013
Công ty Giống cây trồng Miền Nam	40%	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và các công ty con có 375 nhân viên (31/12/2013: 341 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty và các công ty con. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty và các công ty con có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa 6 - 25 năm
- Dụng cụ văn phòng 5 - 6 năm
- Máy móc và thiết bị 5 - 10 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 - 10 năm
- Tài sản khác 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không được phân bổ do không có thời hạn sử dụng.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iii) Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty và các công ty con trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Các tài sản tài chính đã được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Các khoản được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc các khoản mà Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(s) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(iii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng và một vùng địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự nhau.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu các bên đều dưới quyền kiểm soát chung hoặc chịu cùng ảnh hưởng đáng kể như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên có liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 5 năm 2014, Công ty có quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam ("Công ty Quảng Nam") bằng cách mua thêm 181.190 cổ phiếu (tương đương 36,38% vốn cổ phần và quyền biểu quyết) của Công ty Quảng Nam. Theo đó, vốn sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Quảng Nam tăng từ 41,73% lên 78,11% và Công ty Quảng Nam trở thành một công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngày 28 tháng 8 năm 2014, Công ty tiếp tục mua thêm 30.300 cổ phiếu (tương đương 6,06% vốn cổ phần và quyền biểu quyết) của Công ty Quảng Nam. Theo đó, vốn sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Quảng Nam tăng từ 78,11% lên 84,17%.

Kể từ ngày ngày 31 tháng 5 năm 2014 (ngày Công ty có quyền kiểm soát) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động kinh

doanh của công ty Quảng Nam đã đóng góp 28.011 triệu VND doanh thu và 1.716 triệu VND lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Công ty và các công ty con tại ngày mua, ngày 31 tháng 5 năm 2014, như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua	Các điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.822.391.517	-	3.822.391.517
Các khoản phải thu - ngắn hạn	2.362.184.369	-	2.362.184.369
Hàng tồn kho	3.980.517.418	-	3.980.517.418
Tài sản ngắn hạn khác	182.294.355	-	182.294.355
Tài sản cố định	3.431.578.266	-	3.431.578.266
Tài sản dài hạn khác	129.014.484	-	129.014.484
Nợ phải trả ngắn hạn	(7.649.445.877)	-	(7.649.445.877)
Vay và nợ dài hạn	(977.280.920)	-	(977.280.920)
Tài sản thuần có thể xác định được	5.281.253.612	-	5.281.253.612
Lợi ích của Công ty trong tài sản thuần của Công ty Quảng Nam tại ngày mua (78,11%)			4.125.292.822
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 12)			1.847.845.178
Tổng chi phí cho việc mua lại			5.973.138.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền mặt	7.859.039.154	4.554.097.398
Tiền gửi ngân hàng	70.564.173.664	20.249.677.582
Các khoản tương đương tiền	20.600.000.000	29.318.503.548
	99.023.212.818	54.122.278.528

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Nguyên vật liệu	19.425.963.814	12.500.183.824
Công cụ dụng cụ	542.847.442	22.113.760
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.594.653.912	2.734.604.670
Thành phẩm	177.244.589.598	112.518.242.764
Hàng hóa	29.541.281.538	30.882.757.053
	228.349.336.304	158.657.902.071
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.671.367.977)	(1.396.130.793)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Số dư đầu năm	1.396.130.793	1.269.860.669
Tăng dự phòng trong năm	2.768.297.850	1.233.406.020
Hoàn nhập	(493.060.666)	(1.107.135.896)
Số dư cuối năm	3.671.367.977	1.396.130.793

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Tạm ứng cho nhân viên	17.830.940.000	-
Tạm ứng khác	596.565.240	655.212.500
	18.427.505.240	655.212.500

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa	Dụng cụ văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	49.969.940.542	665.563.000	29.690.392.195	15.098.354.723	160.000.000	95.584.250.460
Tăng trong năm	2.380.646.994	35.000.000	373.841.000	-	-	2.789.487.994
Tăng tài sản do mua một công ty con	4.299.411.196	-	2.572.312.420	481.670.900	-	7.353.394.516
Xóa sổ	(2.421.798.566)	-	-	(169.613.000)	-	(2.591.411.566)
Số dư cuối năm	54.228.200.166	700.563.000	32.636.545.615	15.410.412.623	160.000.000	103.135.721.404
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	19.581.068.310	501.709.527	14.822.474.662	5.264.821.579	155.250.031	40.325.324.109
Khấu hao trong năm	2.915.690.258	70.749.668	4.304.539.449	1.575.704.681	4.749.969	8.871.434.025
Mua một công ty con	2.156.001.695	-	1.421.754.550	443.197.505	-	4.020.953.750
Xóa sổ	(1.562.690.948)	-	-	(169.613.000)	-	(1.732.303.948)
Số dư cuối năm	23.090.069.315	572.459.195	20.548.768.661	7.114.110.765	160.000.000	51.485.407.936
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	30.388.872.232	163.853.473	14.867.917.533	9.833.533.144	4.749.969	55.258.926.351
Số dư cuối năm	31.138.130.851	128.103.805	12.087.776.954	8.296.301.858	-	51.650.313.468

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 16.293 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 10.714 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.097 triệu VND (31/12/2013: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.395.787.000	71.000.000	6.600.000.000	9.066.787.000
Tăng trong năm	-	-	1.685.000.000	1.685.000.000
Tăng tài sản do mua một công ty con	-	-	241.600.000	241.600.000
Xóa sổ	-	-	(15.000.000)	(15.000.000)
Số dư cuối năm	2.395.787.000	71.000.000	8.511.600.000	10.978.387.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	120.000.000	71.000.000	3.138.333.333	3.329.333.333
Khấu hao trong năm	-	-	1.497.820.832	1.497.820.832
Mua một công ty con	-	-	142.462.500	142.462.500
Xóa sổ	-	-	(15.000.000)	(15.000.000)
Số dư cuối năm	120.000.000	71.000.000	4.763.616.665	4.954.616.665
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.275.787.000	-	3.461.666.667	5.737.453.667
Số dư cuối năm	2.275.787.000	-	3.747.983.335	6.023.770.335

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Kho dự trữ Quốc gia	-	262.128.000
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	2.113.446.664	2.113.446.664
Dự án Phương Mai - Văn phòng làm việc	15.845.157.741	2.900.884.000
Dự án Đồng Văn	8.427.268.000	-
Công trình khác	434.291.000	358.464.000
	26.820.163.405	5.634.922.664

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	133.333	3.944.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.557.339.300)		-
	133.333	2.386.660.700	-	-

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.691 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 1.691 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Số dư đầu năm	5.634.922.664	5.124.702.591
Tăng trong năm	21.447.368.741	2.900.884.000
Xóa sổ	(262.128.000)	(2.390.663.927)
Số dư cuối năm	26.820.163.405	5.634.922.664

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014				31/12/2013			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:								
▪ Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	5.996.940	40%	40%	371.414.557.822	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (*)	-	-	-	-	208.650	41,73%	41,73%	2.567.797.166
				371.414.557.822				2.567.797.166
Các khoản đầu tư dài hạn khác				8.298.080.000				3.944.000.000
				379.712.637.822				6.511.797.166
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				-				(1.010.674.000)
				379.712.637.822				5.501.123.166

(*) Trong năm, Công ty mua thêm 212.210 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam, tăng phần vốn sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty từ 41,73% lên 84,17%. Theo đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam được chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty con.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2014	2013	2014	2013
Số dư đầu năm	-	-	1.010.674.000	2.304.004.100
Tăng dự phòng trong năm	-	-	639.998.400	-
Hoàn nhập	-	-	(93.333.100)	(1.293.330.100)
Phân loại lại	1.557.339.300	-	(1.557.339.300)	-
Số dư cuối năm	1.557.339.300	-	-	1.010.674.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Tổng cộng
Giá gốc			
Số dư đầu năm	26.557.087.281	-	26.557.087.281
Tăng trong năm - lần mua ngày 31 tháng 5 năm 2014 (Thuyết minh 4)	-	1.847.845.178	1.847.845.178
Tăng trong năm - lần mua ngày 28 tháng 8 năm 2014	-	63.160.867	63.160.867
Số dư cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	28.468.093.326
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.967.126.185	-	7.967.126.185
Khấu hao trong năm	2.655.708.728	140.693.754	2.796.402.482
Số dư cuối năm	10.622.834.913	140.693.754	10.763.528.667
Giá trị ghi sổ			
Số dư đầu năm	18.589.961.096	-	18.589.961.096
Số dư cuối năm	15.934.252.368	1.770.312.291	17.704.564.659

13. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Vay ngắn hạn	25.424.000.000	-
	25.424.000.000	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Đơn vị tính: VND

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014	31/12/2013
Khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,5%	24.044.000.000	-
Khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (*)	USD	7%	1.380.000.000	-
			25.424.000.000	-

(*) Khoản vay từ ngân hàng này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.097 triệu VND (31/12/2013: Không) (Thuyết minh 8).

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	126.032.872	115.569.899
Thuế thu nhập doanh nghiệp	997.365.117	691.637.557
Thuế thu nhập cá nhân	1.089.261.015	2.011.697.313
Các loại thuế khác	768.116.429	934.907.904
	2.980.775.433	3.753.812.673

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	5.063.862.886	-
Quỹ hỗ trợ mua giống gốc phải trả Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	984.550.275	970.720.275
Phải trả cổ tức cho Nhà nước	937.629.310	435.750
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa lần đầu	728.073.914	-
Chi phí phải trả - Dự án lúa thuần	559.835.000	-
Chi phí phải trả Cục dự trữ Quốc gia	434.672.830	-
Bảo hiểm xã hội	18.273.705	123.081.405
Kinh phí công đoàn	54.303.907	595.611.635
Các khoản phải trả khác	7.211.691.514	3.526.481.349
	15.992.893.341	5.216.330.414

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

16. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Số dư đầu năm	14.539.725.583	9.946.982.788
Trích lập trong năm	9.610.353.307	8.951.882.980
Sử dụng trong năm	(6.525.750.353)	(4.359.140.185)
Số dư cuối năm	17.624.328.537	14.539.725.583

17. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	100.298.380.000	54.797.592.850	-	56.695.016.847	9.096.851.620	46.516.069.259	262.128.000	267.666.038.576
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	95.460.226.306	-	95.460.226.306
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	20.431.492.707	3.916.215.973	(24.347.708.680)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.244.305.333)	-	(6.244.305.333)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(15.044.953.500)	-	(15.044.953.500)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(15.045.134.200)	-	(15.045.134.200)
Thù lao Hội đồng Quản trị và thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(3.718.785.475)	-	(3.718.785.475)
Biến động khác	-	-	-	9.600.001	-	(86.130.922)	-	(76.530.921)



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	100.298.380.000	54.797.592.850	-	77.136.109.555	13.013.067.593	77.489.277.455	262.128.000	322.996.555.453
Phát hành cổ phiếu	52.651.620.000	276.447.935.000	-	-	-	-	-	329.099.555.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	122.758.068.442	-	122.758.068.442
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(102.270.000)	-	-	-	-	(102.270.000)
Bán cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên	-	-	102.270.000	-	-	-	-	102.270.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	50.561.413.037	4.810.823.266	(55.372.236.303)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.551.421.049)	-	(9.551.421.049)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(15.029.416.500)	-	(15.029.416.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(477.472.000)	-	(477.472.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(4.588.070.921)	-	-	-	(4.588.070.921)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(262.128.000)	(262.128.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	152.950.000.000	331.245.527.850	-	123.109.451.671	17.823.890.859	119.816.800.045	-	744.945.670.425

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

18. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành cổ phiếu phổ thông	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000
Cổ phiếu phổ thông Số cổ phiếu đang lưu hành	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	VND (Theo mệnh giá)	Số cổ phiếu	VND (Theo mệnh giá)
Số dư đầu năm	10.029.838	100.298.380.000	10.029.838	100.298.380.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	5.265.162	52.651.620.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(10.227)	(102.270.000)	-	-
Cổ phiếu quỹ bán ra trong năm	10.227	102.270.000	-	-
Số dư cuối năm	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000

19. VỐN CỔ TỨC

Ngày 1 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua phương án trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền mặt với số tiền là 15.029 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu). Phương án trả cổ tức này được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 15 tháng 4 năm 2014.

20. CÁC QUỸ THUỘC NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích bù đắp các tổn thất về tài chính trong tương lai.

21. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Tổng doanh thu		
Bán hàng	760.294.524.752	634.311.320.615
Cung cấp dịch vụ	1.738.943.548	1.607.777.289
	762.033.468.300	635.919.097.904
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(6.216.561.583)	-
Giảm giá hàng bán	(583.772.670)	(717.630.612)
Hàng bán bị trả lại	(36.097.203.250)	(37.387.105.910)
	(42.897.537.503)	(38.104.736.522)
Doanh thu thuần	719.135.930.797	597.814.361.382

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Lãi tiền gửi và cho vay	4.049.111.317	4.139.977.101
Cổ tức được chia	834.592.800	346.665.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	341.870.187	101.573.831
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.338.265	148.640.308
	5.245.912.569	4.736.857.040

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Chi phí lãi vay	638.436.191	6.801.044
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	546.665.300	(1.293.330.100)
Chiết khấu thanh toán	1.533.848.480	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	927.342.326	878.893.393
Chi phí tài chính khác	88.495	-
	3.646.380.792	(407.635.663)

24. THUẾ THU NHẬP

a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Chi phí thuế hiện hành		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	2.176.296.985	2.969.551.146

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Lợi nhuận trước thuế	126.204.726.486	99.079.187.174
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.620.472.649	9.921.460.267
Chi phí không được khấu trừ thuế	797.820.134	337.193.820
Thu nhập không bị tính thuế	(692.813.874)	(95.056.580)
Ưu đãi thuế	(11.365.139.986)	(8.967.955.909)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	524.336.777	283.736.797
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	508.298.711	1.490.172.751
Lỗi tính thuế được sử dụng	(216.677.426)	-
	2.176.296.985	2.969.551.146

(c) Thuế suất áp dụng

Ngày 1 tháng 3 năm 2011, Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương. Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2011 (năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế kể từ khi Công ty được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế trong 4 năm (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Các ưu đãi trên được áp dụng với điều kiện tỷ lệ doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trên tổng doanh thu của Công ty trong năm thứ nhất đạt từ 30% trở lên, năm thứ hai đạt từ 50% trở lên và từ năm thứ ba trở đi đạt từ 70% trở lên. Trong thời gian được hưởng ưu đãi về thuế TNDN, năm nào Công ty đạt điều kiện về tỷ lệ doanh thu nêu trên thì được hưởng ưu đãi, năm nào không đạt điều kiện về tỷ lệ doanh thu thì không được ưu đãi và phải nộp thuế TNDN theo mức thuế suất hiện hành. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% (năm 2013: 25%).

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% (năm 2013: 25%).

Mức thuế suất thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 122.758.068.442 VND (2013: 95.460.226.306 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.044.684 cổ phiếu (2013: 10.029.838), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Lợi nhuận thuần trong năm	122.758.068.442	95.460.226.306

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	10.029.838	10.029.838
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 6 tháng 6 năm 2014	3.014.846	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	13.044.684	10.029.838

26. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty và các công ty con chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty và các công ty con gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	91.164.173.664	49.568.181.130
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	111.331.562.315	130.593.095.784
Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ	(iii)	10.684.740.700	2.933.326.000
		213.180.476.679	183.094.602.914

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và các công ty con. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Số dư đầu năm	2.659.008.775	2.660.083.475
Tăng dự phòng trong năm	1.120.772.372	-
Hoàn nhập	(8.426.096)	(1.074.700)
Dự phòng nợ khó đòi - ngắn hạn	3.771.355.051	2.659.008.775

(iii) Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ

Công ty và các công ty con giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán để thanh khoản được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán đã được cấp phép hoạt động và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty và các công ty con. Với mức xếp hạng tín nhiệm cao nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2014	2013	2014	2013
Số dư đầu năm	-	-	1.010.674.000	2.304.004.100
Tăng dự phòng trong năm	-	-	639.998.400	-
Hoàn nhập	-	-	(93.333.100)	(1.293.330.100)
Phân loại lại	1.557.339.300	-	(1.557.339.300)	-
Số dư cuối năm	1.557.339.300	-	-	1.010.674.000

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư 1.557.339.300 VND được ghi nhận liên quan đến các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu trong năm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào cho các khoản đầu tư này.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm
Phải trả người bán và phải trả khác	102.453.825.739	102.453.825.739	102.453.825.739
Chi phí phải trả	649.463.428	649.463.428	649.463.428
Vay ngắn hạn	25.424.000.000	25.632.505.000	25.632.505.000
	128.527.289.167	128.735.794.167	128.735.794.167

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm
Phải trả người bán và phải trả khác	57.271.127.602	57.271.127.602	57.271.127.602
Chi phí phải trả	805.930.040	805.930.040	805.930.040
	58.077.057.642	58.077.057.642	58.077.057.642

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Nhân dân tệ (CNY) và Kíp Lào (LAK).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty và các công ty con có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014			31/12/2013		
	USD	CNY	LAK	USD	CNY	LAK
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.901	86.068	1.000.000	30.018	41.521	1.000.000
Phải trả người bán	-	(18.775.535)	-	-	(12.083.995)	-
	21.901	(18.689.467)	1.000.000	30.018	(12.042.474)	1.000.000

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty và các công ty con áp dụng:

Đơn vị tính: VND

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
USD/VND	21.865,00	21.036,00
CNY/VND	3.469,00	3.475,00
LAK/VND	2,63	2,63

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty và các công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	14.365.961
CNY (mạnh thêm 5% so với VND)	(3.241.688.051)
LAK (mạnh thêm 5% so với VND)	131.500

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	18.943.759
CNY (mạnh thêm 5% so với VND)	(2.092.379.858)
LAK (mạnh thêm 5% so với VND)	131.500

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty và các công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và các công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	31/12/2014	31/12/2013
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	20.600.000.000	29.318.503.548
Nợ phải trả tài chính	(25.424.000.000)	-
	(4.824.000.000)	29.318.503.548

Biến động về lãi suất không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty và các công ty con.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty và các công ty con nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.023	99.023	54.122	54.122
Phải thu khách hàng và phải thu khác	111.332	(*)	130.593	(*)
Các tài sản tài chính khác	8.298	(*)	2.933	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	2.387	(*)	-	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
Phải trả người bán và phải trả khác	(103.103)	(*)	(58.077)	(*)
Các khoản vay	(25.424)		-	(*)
	92.513		129.571	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

(*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

27. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị giao dịch	
	2014	2013
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.665.955.757	2.114.410.855
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	400.000.000	980.000.000

28. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày báo cáo, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	60.348.848.965	32.153.309.850

Đơn vị tính: VND

	2014	2013
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	470.334.567.860	416.129.188.829
Chi phí nhân công	63.652.538.288	57.723.050.929
Chi phí khấu hao	10.369.254.857	9.226.563.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.459.029.823	21.450.255.638
Chi phí khác	13.668.450.737	9.777.585.461

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó phòng kế toán

Người duyệt

Phan Thế Tú
Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc



Kế hoạch hoạt động năm 2015

128 Kế hoạch kinh doanh 2015

128 Kế hoạch đầu tư 2015

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015

Mục tiêu Kinh doanh năm 2015 công ty Mẹ (chưa tính hợp nhất các công ty con)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	THỰC HIỆN 2014	MỤC TIÊU 2015
1	Doanh thu	đồng	680.924.646.738	780.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	121.333.538.099	150.000.000.000
3	EPS	đồng/cp	9.411	10.000

Mục tiêu kinh doanh năm 2015 hợp nhất

STT	NỘI DUNG	ĐVT	THỰC HIỆN 2014	MỤC TIÊU 2015
1	Doanh thu	đồng	719.135.930.797	1.200.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	124.028.429.501	170.000.000.000
3	Cổ tức bằng tiền mặt	%	30%	30%
3	EPS	đ/cp	9.411	11.100

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2015

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính năm 2015

DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CÒN PHẢI THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH 2015	NGUỒN VỐN
Dự án Đồng Văn	101.323.830.568	71.966.173.560	71.966.173.560	Vốn tự có và vốn vay
Dự án xây văn phòng công ty	20.978.148.000	9.887.772.000	9.887.772.000	Vốn tự có và vốn vay
Dự án xây kho DTQG (tại Đồng Văn và Ba Vì)	35.184.041.000	16.273.904.000	16.273.904.000	Ngân sách Nhà nước
CỘNG	157,486,019,568	98.127.849.560	98.127.849.560	

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ XDCB 2015: 98.127.849.560 đồng.

ĐẦU TƯ M&A 2015:

- Nâng tỷ lệ sở hữu tại SSC lên 61,4% để trở thành công ty con của NSC. Vốn thực hiện để đầu tư vào SSC: 189.407.346.000 đồng. **TỔNG CỘNG: 287.515.732.560 ĐỒNG.**

- Mua sắm phương tiện vận tải: **1.300.000.000 đồng**

TỔNG CỘNG VỐN ĐẦU TƯ: 288.835.195.560 ĐỒNG.

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước cấp: 16.273.904.000 đồng

- Vốn vay và vốn tự có: 272.561.291.560 đồng

Để chủ động trong việc đầu tư, mua sắm, tạo điều kiện cho công ty mở rộng quy mô, tăng năng lực kinh doanh, các hoạt động đầu tư xây dựng cụ thể ủy quyền cho HĐQT, Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, theo các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả.



Phối cảnh quy hoạch tổng thể Nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng
Địa điểm: thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam
Dự kiến khánh thành trong năm 2015

Thông tin khác

132 Thông tin Cổ đông và Quản trị công ty

136 Thông tin doanh nghiệp



Thông tin Cổ đông và Quản trị công ty

DANH SÁCH NHÂN SỰ ĐƯỢC ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Quang Trường	Giám đốc đầu tư và quản lý dự án	17/QTCT312/QĐ-TTNC	09/12/2013
2	Phạm Trung Dũng	Thư ký HĐQT	02/QTCT3112/QĐ-TTNC	09/12/2013

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Thông tin về cổ phiếu	
Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên	21/12/2006
Loại cổ phiếu niêm yết	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu tại ngày 31/12/2014	15.295.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu Quý tại ngày 31/12/2014	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng tại ngày 31/12/2013	620.610 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2013)	80.000 đ/CP

Cổ tức năm 2014	
Tổng cổ tức năm 2014 (dự kiến)	30%
Trong đó:	
Ứng cổ tức bằng tiền lần 1	15%
Ngày thực hiện	20/01/2015
Ngày đăng ký cuối cùng	24/12/2014
Cổ tức bằng tiền mặt lần 2	Dự kiến trong năm 2015

Cổ phiếu của Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM - HOSE với mã giao dịch NSC.

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/03/2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 17/3/2014.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			CP	Tỷ lệ	CP	Tỷ lệ	
I	TỔ CHỨC						
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	2.424.258	15.9%	0	0%	Mua bán
2	Công ty CP Xuyên Thái Bình	Cổ đông lớn	3.504.980	22.9%	8.666.495	56.66%	Mua bán
3	Quý Việt Nam Holding	Cổ đông lớn	1.435.515	9.4%	1.240.515	8.11%	
II	CÁ NHÂN						
1	Ông. Nguyễn Hải Thọ	Cổ đông nội bộ	29.165	0.19%	23.165	0.15%	Bán

Các giao dịch khác: (các giao dịch của Cổ đông nội bộ/ Cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

PHỤ LỤC 2: CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 12/3/2014

Cơ cấu sở hữu và sở hữu tỉ lệ sở hữu của cổ đông lớn tại ngày 12/3/2014 theo số liệu cập nhật của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ở mức vốn điều lệ 100.298.380.000 đồng

Cơ cấu sở hữu

STT	Cá nhân/ Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ trọng %
	Tổng cộng	10,029,838	100.0%
I	Trong nước	6,704,846	66.8%
1	Cá nhân trong nước	1,481,926	14.8%
	Trong đó:		
	CBCNV công ty	623,629	6.2%
2	Tổ chức trong nước	5,222,920	52.1%
II	Nước ngoài	3,324,992	33.2%
1	Cá nhân nước ngoài	187,409	1.9%
2	Tổ chức nước ngoài	3,137,583	31.3%

SỞ HỮU CP CỦA CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM CHỐT DANH SÁCH DỰ HỌP ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2015 (NGÀY CHỐT: 18/3/2015)

STT	Cá nhân/ Tổ chức	Chức vụ tại công ty	Cổ phiếu sở hữu	
			Số sở hữu cuối kỳ	%
I	NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN			
1	Bà. Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, TGD	112.273	0.73%
2	Bà. Lê Thị Lệ Hằng	Phó CT HĐQT	4.000	0.03%
3	Ông Nguyễn Khắc Hải	TV HĐQT	4.000	0.03%
4	Ông. Trần Đình Long	TV HĐQT	24.016	0.16%
5	Ông. Đỗ Bá Vọng	TV HĐQT	56.639	0.37%
6	Ông. Phạm Ngọc Lý	TV HĐQT	40.820	0.27%
7	Bà. Nguyễn Thị Trà My	TV HĐQT	4.000	0.03%
8	Ông. Nguyễn Khánh Quỳnh	TV. BKS	4.000	0.03%
9	Ông. Đỗ Tiến Sỹ	TV. BKS	59.812	0.39%
10	Ông. Nguyễn Hải Thọ	Phó TGD	23.165	0.15%
11	Ông. Phan Thế Tý	Kế toán trưởng	16,652	0.11%
II	TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN, CỔ ĐÔNG LỚN			
1	Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan	8.849.493	57.9%
2	Quỹ VN Holding	Cổ đông lớn	1.240.515	8.11%

1. Công ty cổ phần XNK Bến Tre ngày 14/4/2014 đã bán 904.500 cổ phiếu. Số cổ phiếu sở hữu sau khi bán: 0 CP nên không còn là cổ đông lớn.

2. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước SCIC ngày 08/4/2014 đã bán: 1.105.416 cổ phiếu. Số cổ phiếu sở hữu sau khi bán: 0 CP nên không còn là cổ đông lớn của NSC.

3. Công ty cổ phần đầu tư Đường Mặt Trời ngày 20/6/2014 đã mua và bán cổ phiếu và số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch là: 589.685 cổ phiếu (3.86%) nên không còn là cổ đông lớn. Hiện nay Công ty cổ phần đầu tư Đường Mặt Trời không còn là cổ đông của công ty.

4. Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ngày 18/4/2014 đã mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch là: 788.701 cổ phiếu (7.87%) trở thành cổ đông lớn. Sau đó ngày 23/4/2014 đã thực hiện giao dịch bán, số lượng cổ phiếu sở hữu sau khi thực hiện giao dịch là: 386.681 cổ phiếu (3.86%) nên không còn là cổ đông lớn.

5. Công ty TNHH quản lý quỹ SSI ngày 28/7/2014 đã bán 2.424.258 cổ phiếu. Số cổ phiếu sở hữu sau khi bán: 0 CP nên không còn là cổ đông lớn của NSC.

Thông tin doanh nghiệp

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

- Tên tiếng Anh: **VIETNAM NATIONAL SEED CORPORATION (Viết tắt VINASEED)**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0101449271 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/11/2014.

- Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2014): 152.950.000.000 đồng (Một trăm năm hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2014): 744.945.670.425 đồng (Bảy trăm bốn bốn tỷ, chín trăm bốn lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn bốn trăm hai lăm đồng).

- Tổng số nhân viên: 335 người

- Địa chỉ: Số 01 Lương Định Cửa, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

- Số điện thoại: **(84) 4 38523294**

- Fax: **(84) 4 38527996**

www.vinaseed.com.vn.

- Mã cổ phiếu: NSC.



